KHẢO SÁT LƯƠNG NĂM 2023

Kỳ vọng lương, thưởng, phúc lợi người lao động



Thực hiện bởi **Navigos Group**

www.navigosgroup.com *www.vietnamworks.com* *www.navigossearch.com*

Mục lục

01. Thông tin về báo cáo 02

02. Bối cảnh chung về chế độ lương thưởng - phúc lợi của người lao động năm 2022 11

03. Cận cảnh góc nhìn của ứng viên về thị trường lao động năm 2022 14

04. Kỳ vọng của người lao động trong năm 2023 17

05. Góc nhìn thực tế thị trường từ Navigos Group 25

06. Bảng lương chi tiết các ngành hàng. 34



01 Thông tin về báo cáo

1.1. Giới thiệu tập đoàn 03

1.2. Thông điệp từ CEO 04

1.3. Giá trị tham khảo 05

1.4. Tuyên bố giới hạn trách nhiệm 06

1.5 Thông tin người tham gia khảo sát 07



Navigos Group

Navigos Group là tập đoàn cung cấp dịch vụ tuyển dụng nhân sự hàng đầu Việt Nam, sứ mệnh của chúng tôi là giúp người tìm việc và các công ty đạt được ước mơ của mình thông qua các dịch vụ tuyển dụng chuyên nghiệp. Hệ sinh thái của chúng tôi bao gồm www.VietnamWorks.com - Cổng thông tin tuyển dụng trực tuyến lớn nhất và Navigos Search – Dịch vụ tuyển dụng hàng đầu tại Việt Nam.

VietnamWorks

Với hơn 5,5 triệu lượt truy cập hàng tháng, **VietnamWorks** là trang web việc làm hàng đầu và hoạt động lâu nhất tại Việt Nam. Mỗi ngày, chúng tôi đem đến vô số những công việc mới cho gần 5,5 triệu ứng viên có kinh nghiệm và luôn đi tiên phong trong việc đồng hành cung cấp các giải pháp tuyển dụng tốt nhất cho hơn 60,000 công ty, phần lớn là các tập đoàn đa quốc gia và các công ty có thương hiệu hàng đầu tại Việt Nam. Cơ sở dữ liệu dồi dào về ứng viên giàu kinh nghiệm và nhà tuyển dụng uy tín của VietnamWorks là một tài sản giá trị trong thị trường tuyển dụng cạnh tranh tại Việt Nam.

Navigos Search

Navigos Search là nhà cung cấp dịch vụ tuyển dụng hàng đầu tại Việt Nam. Điểm mạnh lớn nhất của chúng tôi là đội ngũ chuyên gia tư vấn tuyển dụng có kinh nghiệm am hiểu chuyên sâu từng ngành hàng với trình độ chuyên môn cao. Chúng tôi cũng tiên phong trong việc áp dụng công nghệ vào quy trình tuyển dụng nhằm giúp Khách Hàng tuyển dụng hiệu quả và nhanh chóng nhất. Với các hệ thống và quy trình tiên tiến được chia sẻ bởi en Group, chúng tôi hướng tới một vị thế mới trong thị trường tìm kiếm nhân tài tại Việt Nam.

THÔNG ĐIỆP TỪ CEO

Kính gửi quý khách hàng,

Trong hơn 10 tháng đầu năm 2022, được coi là giai đoạn đón nhận nhiều tín hiệu khởi sắc với nhiều điểm sáng về kinh tế - xã hội.

Về lĩnh vực lao động việc làm, theo báo cáo của tổ chức Lao động quốc tế (ILO - International Labour Organization) đăng vào ngày 06/10/2022, số lượng công việc cần tuyển người tăng vọt tại các nền kinh tế tiên tiến, diễn ra cùng lúc với làn sóng "The Great Resignation" khiến thị trường lao động rơi vào trạng thái mất cân bằng với tình trạng số lượng vị trí cần tuyển tăng cao hơn so với số lượng ứng viên.

Tại thị trường Việt Nam, bức tranh thị trường năm 2022 có nhiều điểm sáng. Lực lượng lao động có xu hướng tăng nhanh và ổn định. Người lao động cũng đang có những thay đổi về nhu cầu và kỳ vọng về công việc.

Nắm được tình hình thực tế hiện nay trên thị trường lao động, Navigos Group đã tiến hành khảo sát nghiên cứu và thực hiện báo cáo lương với các thông tin đa dạng nhằm mang đến các góc nhìn đa chiều để hỗ trợ các doanh nghiệp và người lao động trong các giai đoạn tiếp theo.

Khảo sát lương 2023 sẽ đưa ra góc nhìn tổng quan về mức lương của các ngành nghề trong năm 2022 cũng như những kỳ vọng của người lao động về mức lương, thưởng và phúc lợi trong năm 2023. Navigos Group hy vọng sẽ mang đến cho quý khách hàng các góc nhìn mới để xây dựng chiến lược tuyển dụng và giữ chân nhân tài. Đồng thời, chúng tôi cũng hỗ trợ người lao động nắm bắt xu hướng tuyển dụng để có sự chuẩn bị tốt nhất trong chặng đường phát triển sự nghiệp sắp tới.

Trân trọng,
Gaku Echizenya
CEO Navigos Group

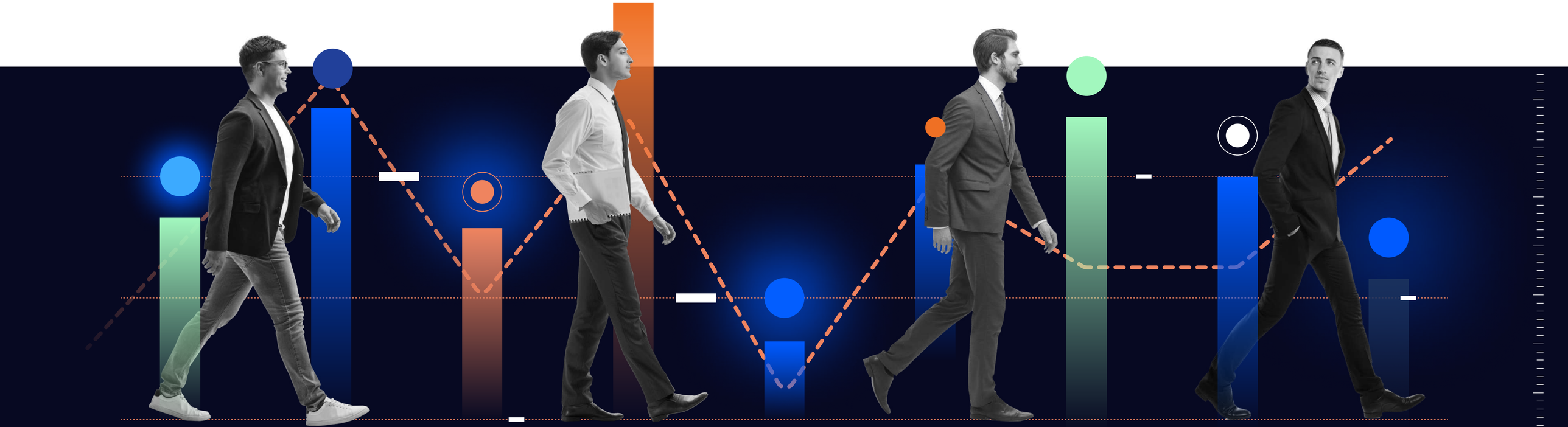


TẠO ƯU THẾ CHO CÁC DOANH NGHIỆP TRONG VIỆC TUYỂN DỤNG VÀ GIỮ CHÂN NHÂN TÀI	Nắm rõ mức lương theo thời gian thực trên thị trường, doanh nghiệp có thể đưa ra các chiến lược tuyển dụng hiệu quả.
HỖ TRỢ ĐIỀU CHỈNH MỨC LƯƠNG DỰA TRÊN THỊ TRƯỜNG THỰC TẾ	Báo cáo Lương giúp các công ty điều chỉnh mức lương và cung cấp gói lợi ích hấp dẫn đối với cả nhân viên và các ứng viên tiềm năng.
XÂY DỰNG CƠ CẤU TIỀN LƯƠNG	Đối với những doanh nghiệp không có cơ cấu tiền lương thì Báo cáo Lương có thể giúp họ xây dựng chúng một cách dễ dàng và có hệ thống hơn.
NHẬN BIẾT MỨC LƯƠNG CỦA CÁC CÔNG TY CÙNG NGÀNH	Nhận biết được các công ty cùng hoạt động trong lĩnh vực sẽ giúp các doanh nghiệp chuẩn bị kế hoạch nhân sự tốt hơn trong tương lai.
NHẬN DỮ LIỆU HỮU ÍCH CHO QUẢN TRỊ NHÂN LỰC TRONG TỔ CHỨC	Báo cáo Lương của Navigos Group sẽ cung cấp thêm các thông tin bao gồm các yếu tố dẫn đến lòng trung thành của nhân viên đối với doanh nghiệp, quyết định rời khỏi doanh nghiệp và sự hài lòng trong công việc của nhân viên. Có rất nhiều thông tin có giá trị khác cho phòng nhân sự để lập kế hoạch chiến lược phát triển bền vững cho doanh nghiệp.

Thông tin trong báo cáo dựa trên phân tích phản hồi từ hơn **4,170 ứng viên** tham gia khảo sát.

Bên cạnh đó, số liệu thể hiện mức lương cho một vị trí làm việc cũng được tham khảo từ nhà tuyển dụng là khách hàng của Navigos Group. Xin lưu ý rằng các số liệu được hiển thị trong cuộc khảo sát này là lương cơ bản, không bao gồm tiền thưởng hoặc các phúc lợi khác.

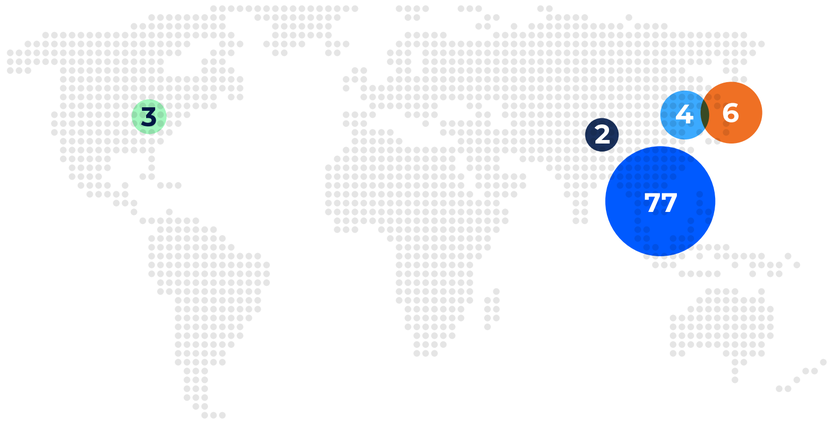
Mặc dù báo cáo đã được thu thập và phân tích với sự chi tiết và minh bạch nhất, thế nhưng báo cáo này không đại diện cho toàn bộ thị trường. Báo cáo lương 2023 của Navigos Group chỉ mang tính chất tham khảo. Tất cả thông tin trong báo cáo không được sao chép một phần hoặc toàn bộ mà không có sự cho phép chính thức từ Navigos Group.

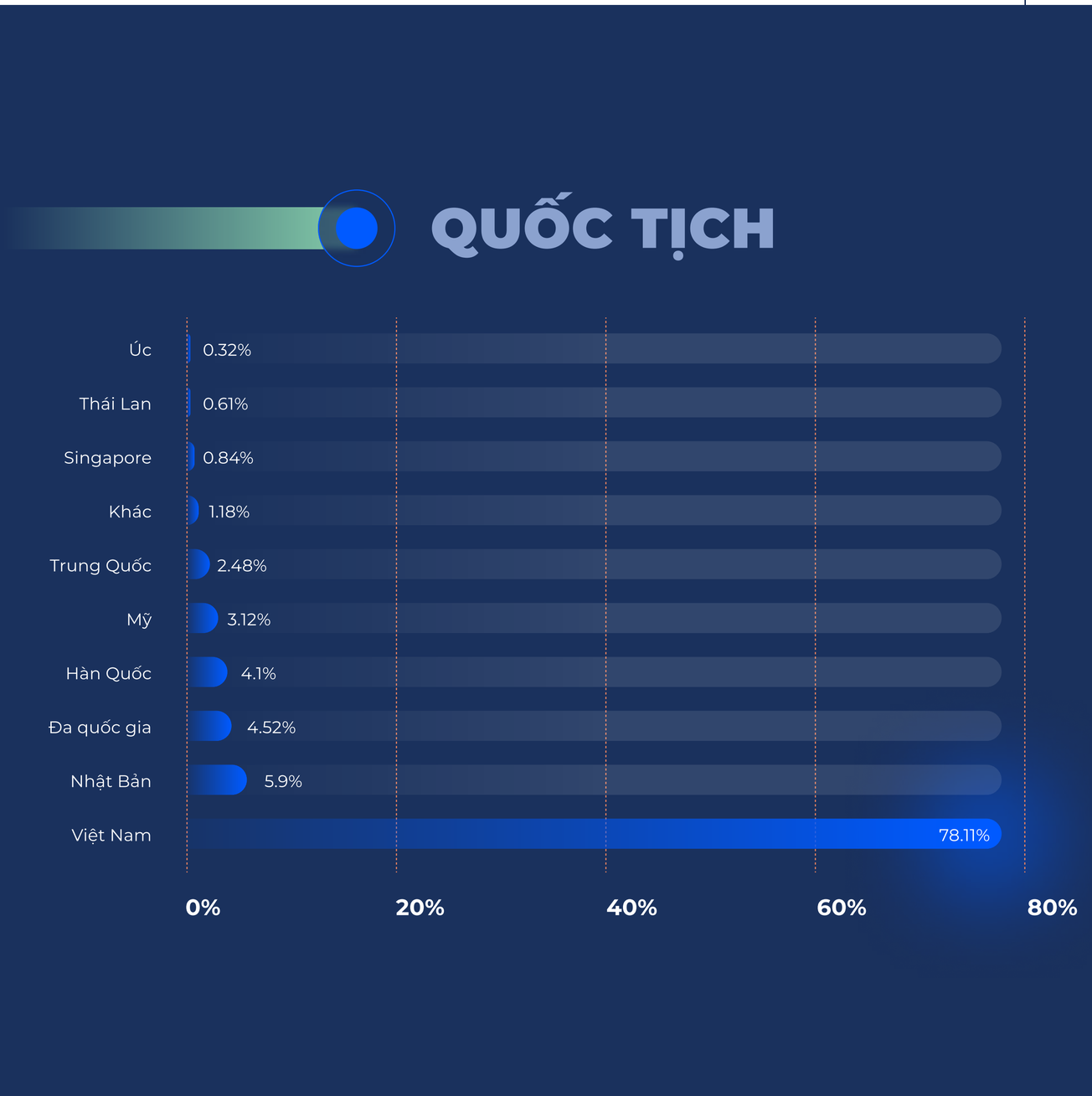


Quốc tịch công ty

Về yếu tố quốc tịch công ty, hầu hết người tham gia khảo sát đến từ các công ty có quốc tịch Việt Nam, chiếm tỷ lệ là 78.11%.

Tiếp theo là Nhật Bản (chiếm 5.9%), Hàn Quốc (chiếm 4.1%), Mỹ (chiếm 3.12%), Trung Quốc (chiếm 2.48%), và một số người lao động đang làm việc tại các công ty Đa quốc gia (4.52%)...



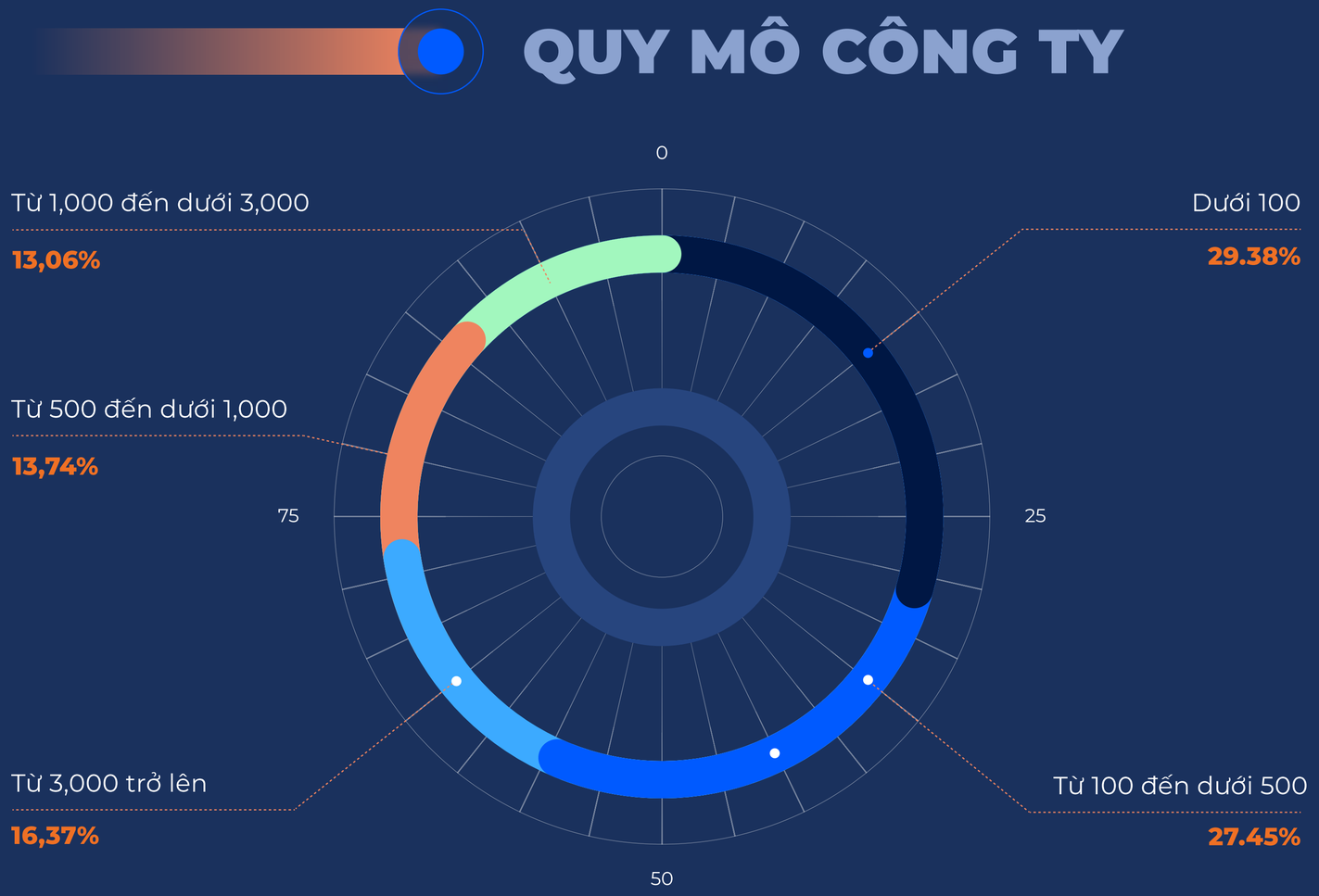


Quy mô công ty

Khi được hỏi về quy mô công ty, hơn một nửa số lượng người lao động tham gia khảo sát đến từ các công ty có quy mô vừa và nhỏ.

Cụ thể, công ty nhỏ với quy mô "dưới 100 nhân sự" là lựa chọn chiếm ưu thế với tỷ lệ 29.38%. Theo sau là các công ty có quy mô nhân sự "từ 100 đến dưới 500" với tỷ lệ 27.45%.

Đứng thứ 3 và 4 trong danh sách lần lượt là các công ty có quy mô "từ 3,000 trở lên" chiếm 16.37% và "từ 500 đến dưới 1,000" chiếm 13.74%. Cuối cùng, quy mô công ty có "từ 1,000 đến dưới 3,000" nhân sự chiếm với 13.06%.



Độ tuổi

Xét về tuổi tác của người lao động tham gia khảo sát, phần lớn người lao động thuộc thế hệ Gen Y (1981 - 1996) với tỷ lệ là 69.28%.

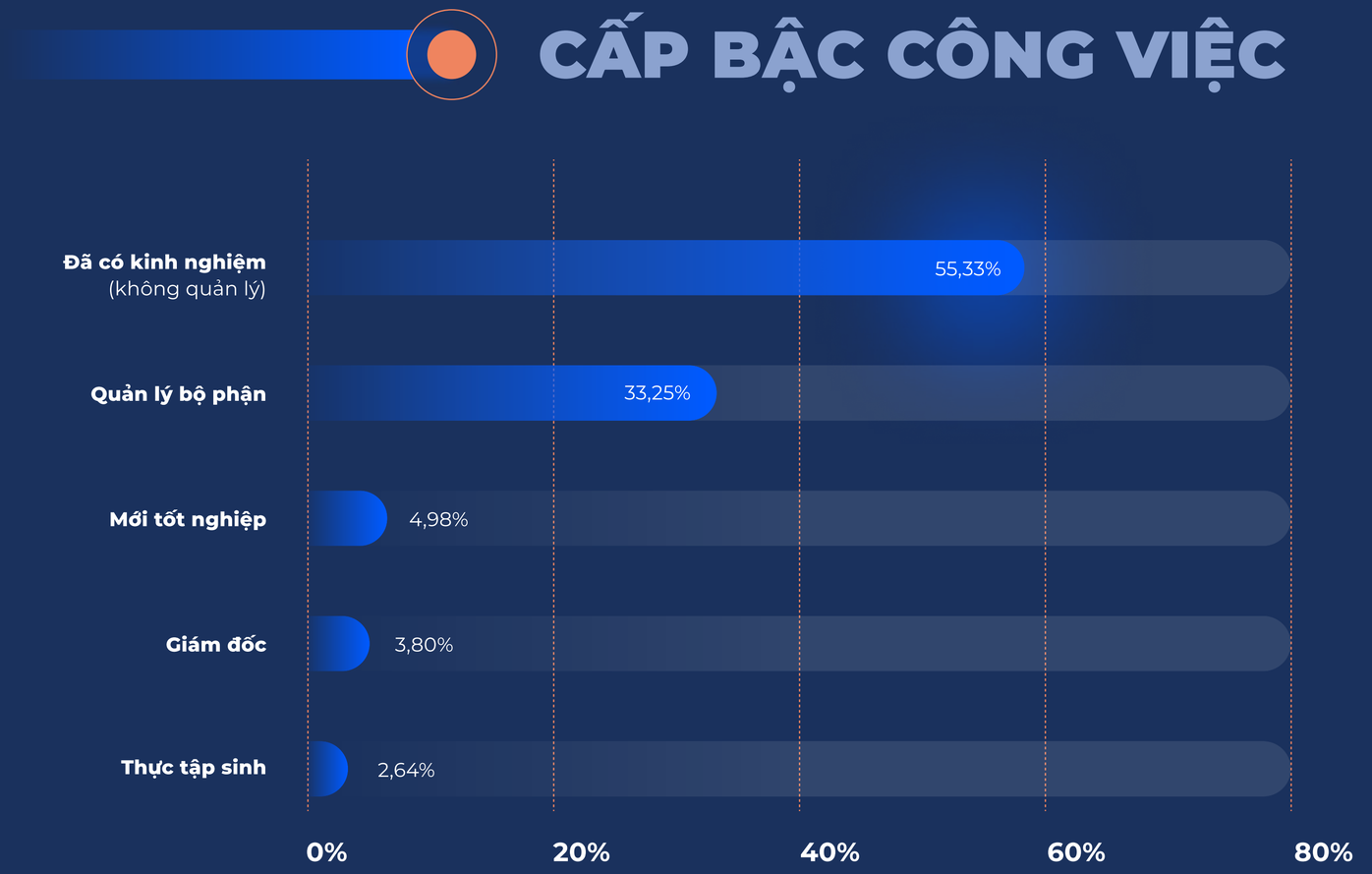
Theo sau là thế hệ Gen Z (1997 - 2009) với 19.03%. Đứng thứ 3 trong danh sách là thế hệ Gen X (1965 - 1980) với 11.59%. Đặc biệt, có một phần nhỏ người thuộc thế hệ Baby Boomers (1946 - 1964).



Cấp bậc công việc hiện tại

Khi được hỏi về cấp bậc công việc hiện tại, hơn một nửa người lao động tham gia khảo sát ở cấp bậc là "đã có kinh nghiệm (không thuộc cấp quản lý)", chiếm tỷ lệ 55.33%.

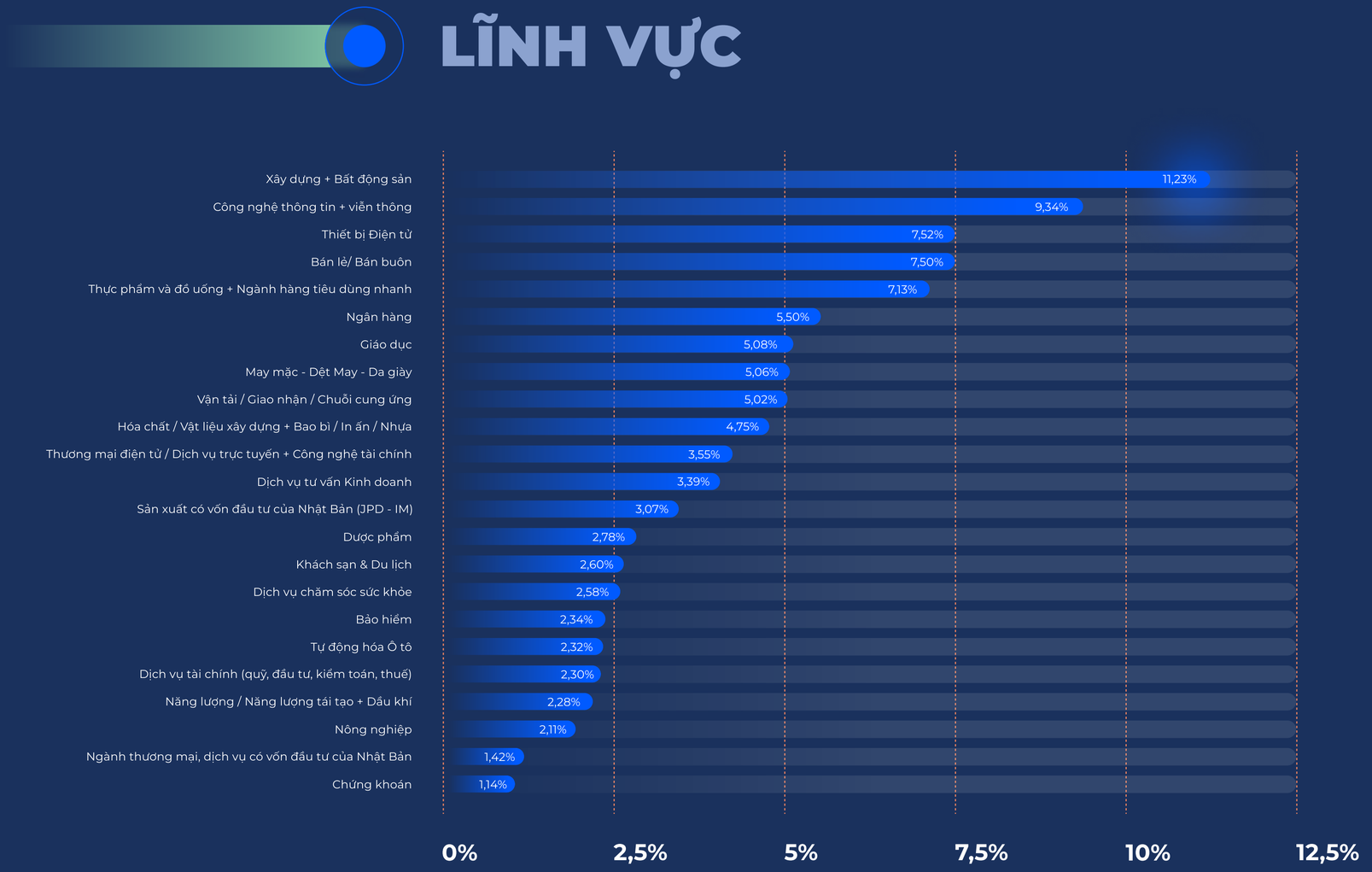
Đứng thứ 2 là cấp độ "quản lý bộ phận" với 33.25%. Các lựa chọn "mới tốt nghiệp", “giám đốc", và "thực tập sinh" chiếm thiểu số với tỷ lệ bình chọn lần lượt là 4.98%, 3.80%, và 2.64%.



Lĩnh vực

Người lao động tham gia khảo sát chủ yếu làm việc trong 23 ngành nghề.

Phổ biến nhất là Xây dựng và Bất động sản, chiếm tỷ lệ 11.23%. Tiếp tục góp mặt trong nhóm 5 lĩnh vực có người tham gia khảo sát cao nhất lần lượt là Công nghệ thông tin và viễn thông (9.34%), Thiết bị Điện tử (7.52%), Bán lẻ/ Bán buôn (7.50%), Thực phẩm và đồ uống & Ngành hàng tiêu dùng nhanh (7.13%). Một số lĩnh vực khác chiếm tỷ trọng thấp hơn như ngành Ngân hàng, Giáo dục, May mặc - Dệt May - Da giày, Vận tải/ Giao nhận/ Chuỗi cung ứng,...



02

Bối cảnh chung về chế độ lương thưởng và phúc lợi của người lao động năm 2022



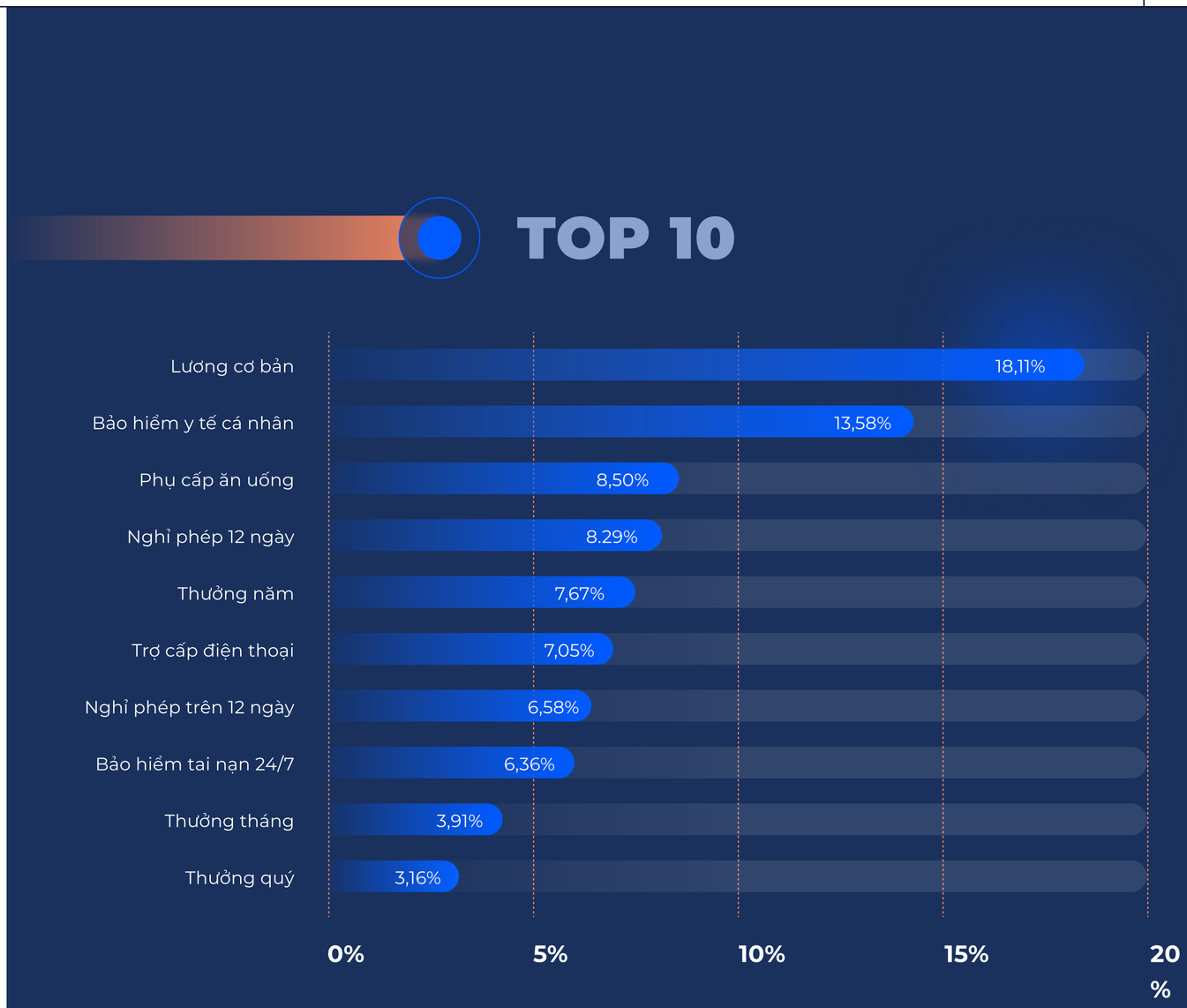
2.1. Top 10 yếu tố hàng đầu về chế độ tiền lương – phúc lợi hiện tại mà người lao động nhận được (số liệu thông qua khảo sát) 13

2.2. Top 10 yếu tố hàng đầu mà người lao động lựa chọn khi tiếp tục gắn bó với doanh nghiệp hiện tại/ động lực thúc đẩy làm việc (số liệu thông qua khảo sát) 14

Top 10 yếu tố hàng đầu về chế độ tiền lương - phúc lợi hiện tại mà người lao động nhận được (số liệu thông qua khảo sát)

Theo số liệu thu thập được, chế độ phúc lợi, tiền lương của người tham gia khảo sát hầu hết bao gồm "Lương cơ bản" và "Bảo hiểm y tế cá nhân" với mức độ bình chọn lần lượt là 18.11% và 13.58%. Đây được xem là 2 chế độ phúc lợi căn bản nhất mà Doanh nghiệp hiện nay đã và đang áp dụng.

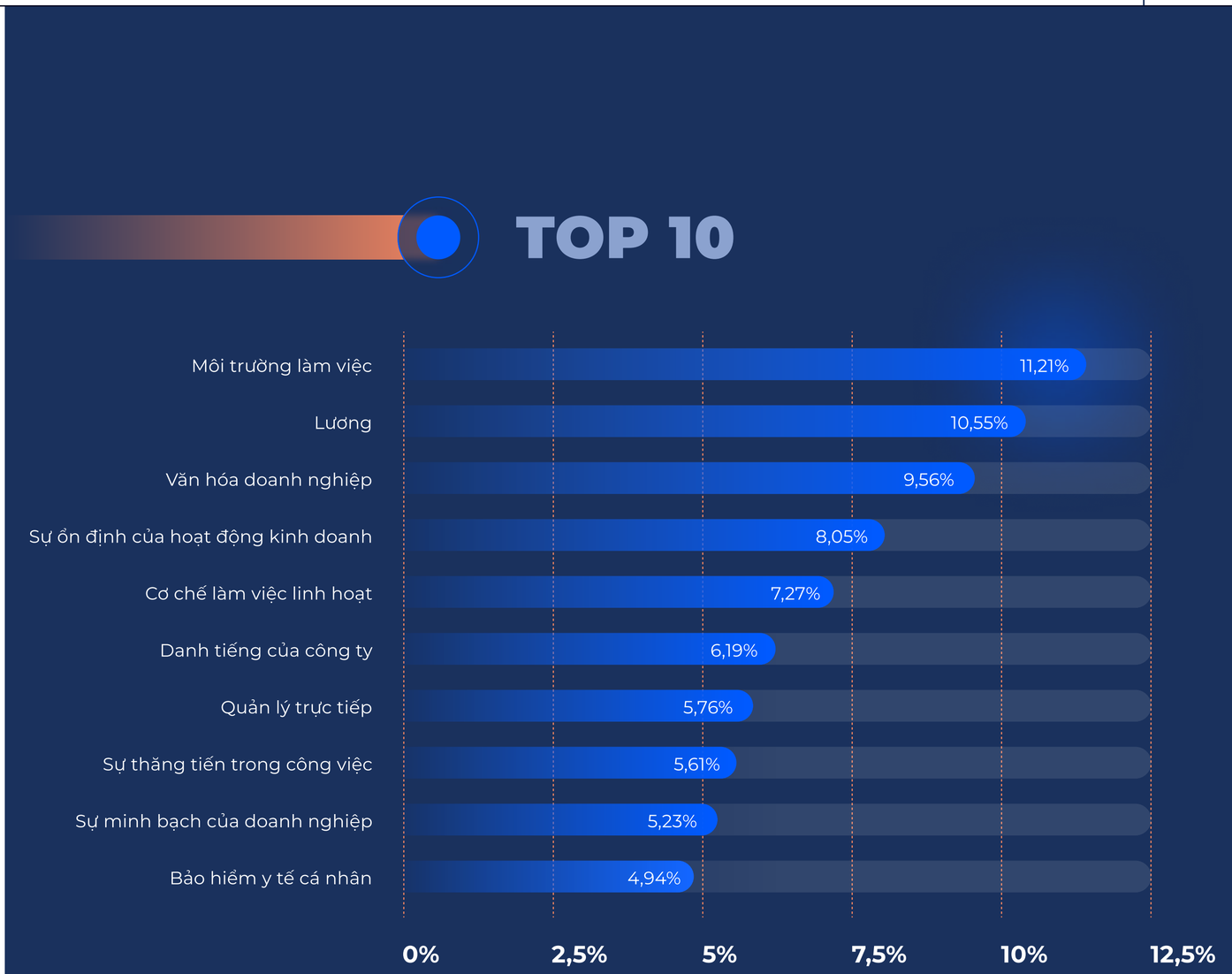
Các hạng mục phúc lợi, tiền thưởng khác cũng phổ biến theo kết quả khảo sát, điển hình như "Phụ cấp ăn uống" với 8.50%, "Nghỉ phép 12 ngày" với 8.29%, "Thưởng năm" với 7.67%, "Trợ cấp điện thoại" với 7.05%, "Nghỉ phép trên 12 ngày" với 6.58%, "Bảo hiểm tai nạn 24/7" với 6.36%,... phụ thuộc vào tính chất công việc cũng như nhu cầu người lao động tại từng Doanh nghiệp cụ thể.



Top 10 yếu tố hàng đầu mà người lao động lựa chọn khi tiếp tục gắn bó với doanh nghiệp hiện tại/ động lực thúc đẩy làm việc (số liệu thông qua khảo sát)

Khi được hỏi về yếu tố gắn bó với công ty, "Môi trường làm việc" chính là sự lựa chọn chiếm ưu thế với tỷ lệ là 11.21%, theo sau là "Lương" với 10.55%, "Văn hóa doanh nghiệp" với 9.56%, "Sự ổn định của hoạt động kinh doanh" với 8.05%, "Cơ chế làm việc linh hoạt" với 7.27%,...

Có thể thấy, **người lao động ngày nay quan tâm rất nhiều đến những yếu tố về môi trường và văn hóa doanh nghiệp.** Những yếu tố vật chất khác như lương, thưởng,... không đóng vai trò tiên quyết ảnh hưởng đến quyết định gắn bó của một nhân viên với công ty hiện tại.



03

Cận cảnh góc nhìn của ứng viên về thị trường lao động năm 2022

3.1. Mức tăng thu nhập thực tế trong năm 2022 16

3.2. Những chính sách cải tiến/ lợi ích tăng thêm từ phía công ty hiện tại dành cho người lao động nhằm mục đích tạo động lực sản xuất kinh doanh 17



Mức tăng thu nhập thực tế trong năm 2022

Mức lương tăng "từ 5% đến dưới 10%" là sự lựa chọn chiếm ưu thế với tỷ lệ là 26.89%. Mức lương "không đổi" đứng thứ 2 với kết quả bình chọn khá sát sao là 23.29%. Theo sau là "ít hơn 5%" và “từ 10% đến dưới 15%" với bình chọn lần lượt là 15.30% và 11.66%.

Lý giải cho điều này, trên thực tế, vẫn còn nhiều Doanh nghiệp đang trong giai đoạn phục hồi sau đại dịch Covid-19 nên chưa thể áp dụng chính sách tăng lương hấp dẫn hơn cho nhân viên của mình.

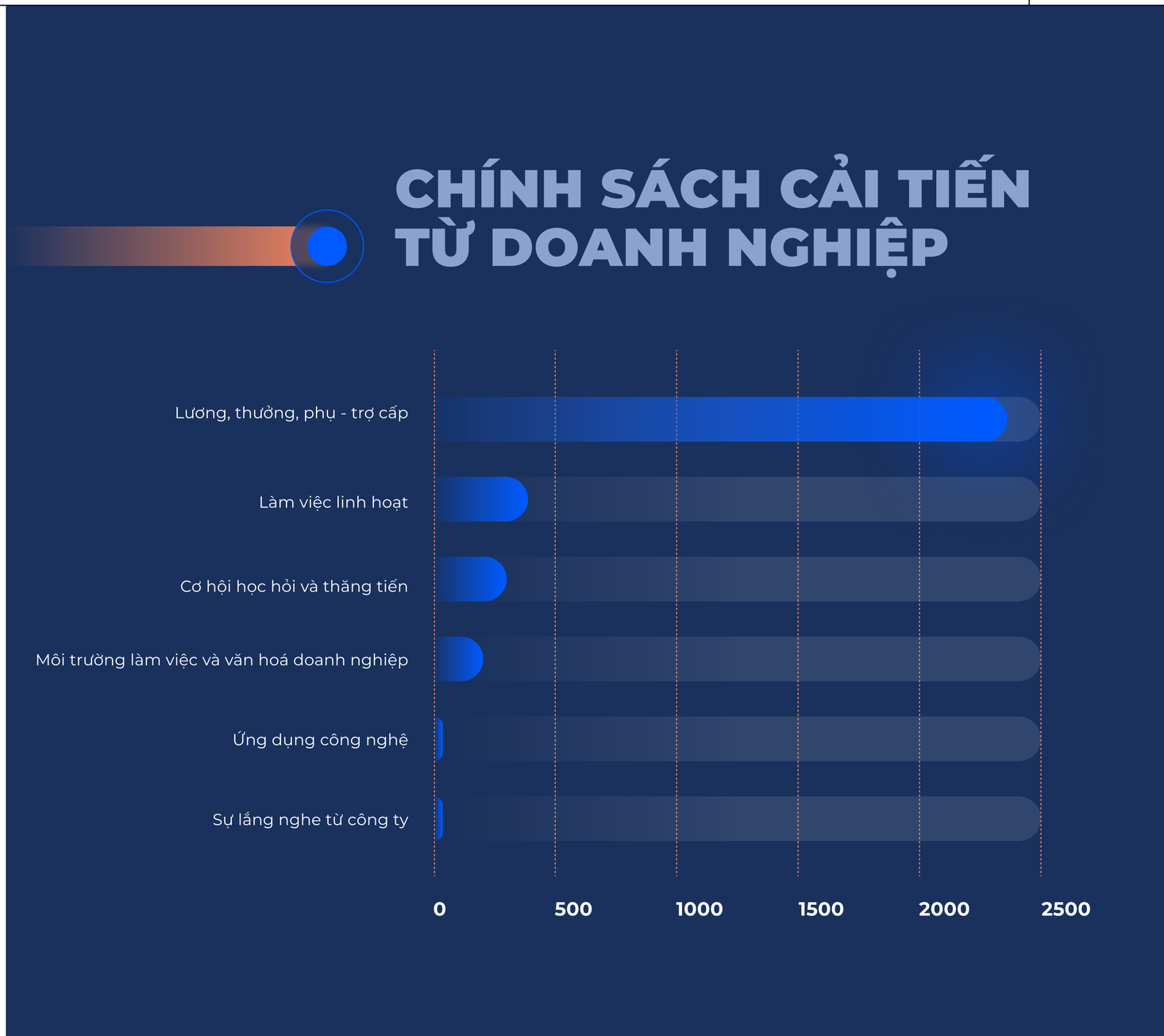


Những chính sách cải tiến/ lợi ích tăng thêm từ phía công ty hiện tại dành cho người lao động nhằm mục đích tạo động lực sản xuất kinh doanh

Từ kết quả khảo sát, có thể thấy, Doanh nghiệp hiện nay chủ yếu áp dụng các chính sách tài chính như lương, thưởng, phụ - trợ cấp nhằm tạo động lực sản xuất kinh doanh cho đội ngũ nhân sự của mình.

Bên cạnh đó, họ cũng bổ sung thêm nhiều chính sách về cơ chế làm việc linh hoạt, nhằm đáp ứng xu hướng mới của người lao động sau đại dịch Covid-19, bao gồm: cho phép làm việc từ xa, tăng ngày nghỉ, linh động làm việc tại nhà - công ty,...

Ngoài ra, một số chính sách khác về đào tạo, xây dựng môi trường làm việc thân thiện, ứng dụng công nghệ,... cũng được thực hiện tại Doanh nghiệp nhưng tần suất xuất hiện trong kết quả khảo sát không nhiều.



04

Kỳ vọng của người lao động trong năm 2023



4.1. Kỳ vọng của người lao động về sự thay đổi của doanh nghiệp trong năm 2023: Chính sách lương thưởng 19

4.2. Sự an toàn/ ổn định nghề nghiệp 20

4.3. Sự thay đổi về các chính sách khác của doanh nghiệp 21

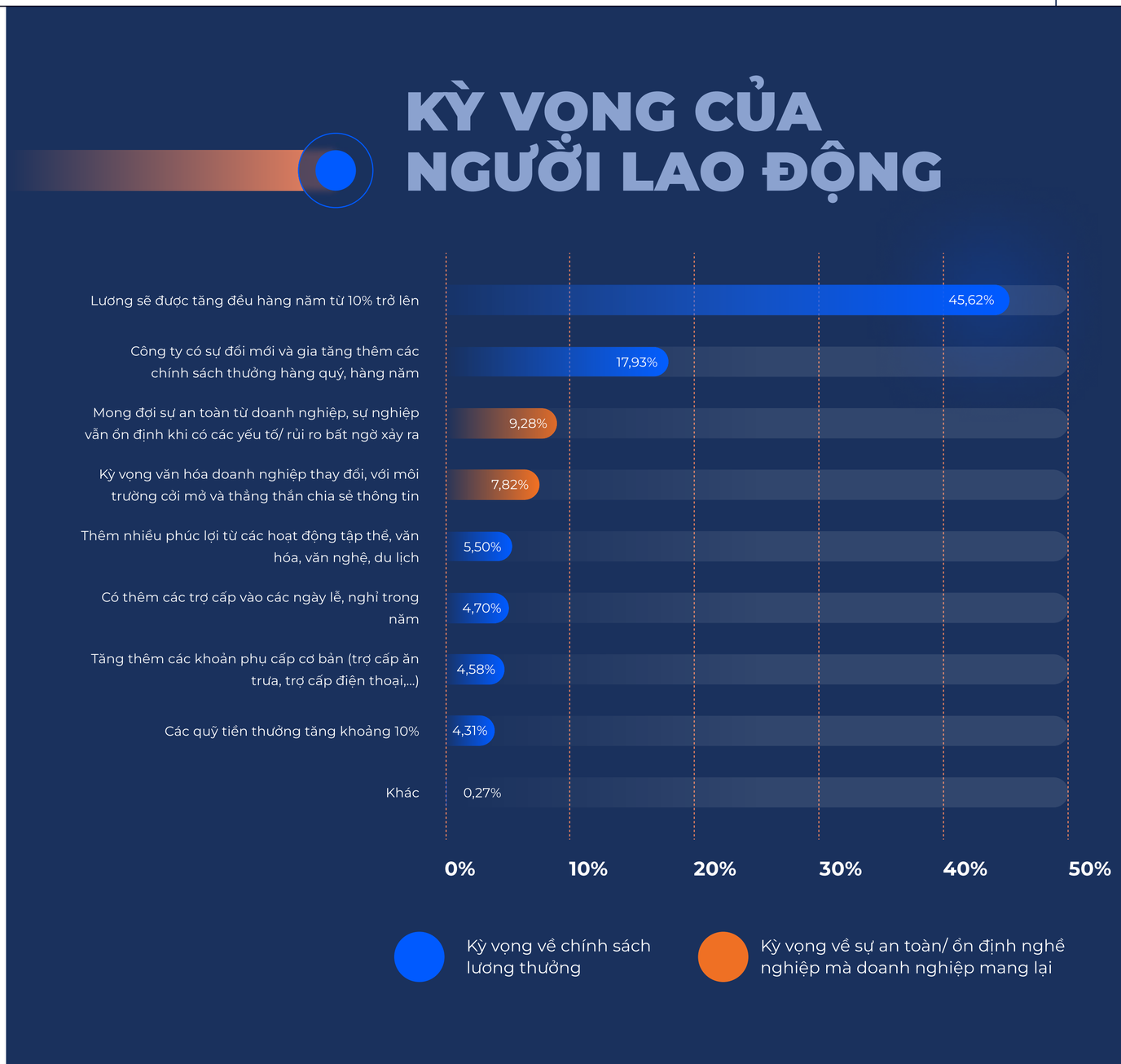
4.4. Dự định của người lao động trong vòng 3 - 6 tháng tới 22

Kỳ vọng của người lao động về sự thay đổi của doanh nghiệp trong năm 2023: Chính sách lương thưởng

Khảo sát về kỳ vọng của người lao động vào chính sách lương thưởng và phúc lợi của công ty hiện tại, có thể thấy, "Lương sẽ được tăng đều hàng năm từ 10% trở lên" chính là sự lựa chọn chiếm tỷ trọng cao nhất với 45.62%, chiếm gần 1 nửa số câu trả lời.

Về các khoản phụ - trợ cấp, người lao động kỳ vọng doanh nghiệp có “Thêm nhiều phúc lợi từ các hoạt động tập thể, văn hóa, văn nghệ, du lịch” với tỷ lệ 5.50%. Họ cũng mong muốn doanh nghiệp có thêm các trợ cấp vào các ngày lễ, nghỉ trong năm (4.70%) và có sự tăng thêm các khoản phụ cấp cơ bản (4.58%).

Có thể thấy, những chính sách tác động lên thu nhập là mối quan tâm và kỳ vọng hàng đầu của người lao động.

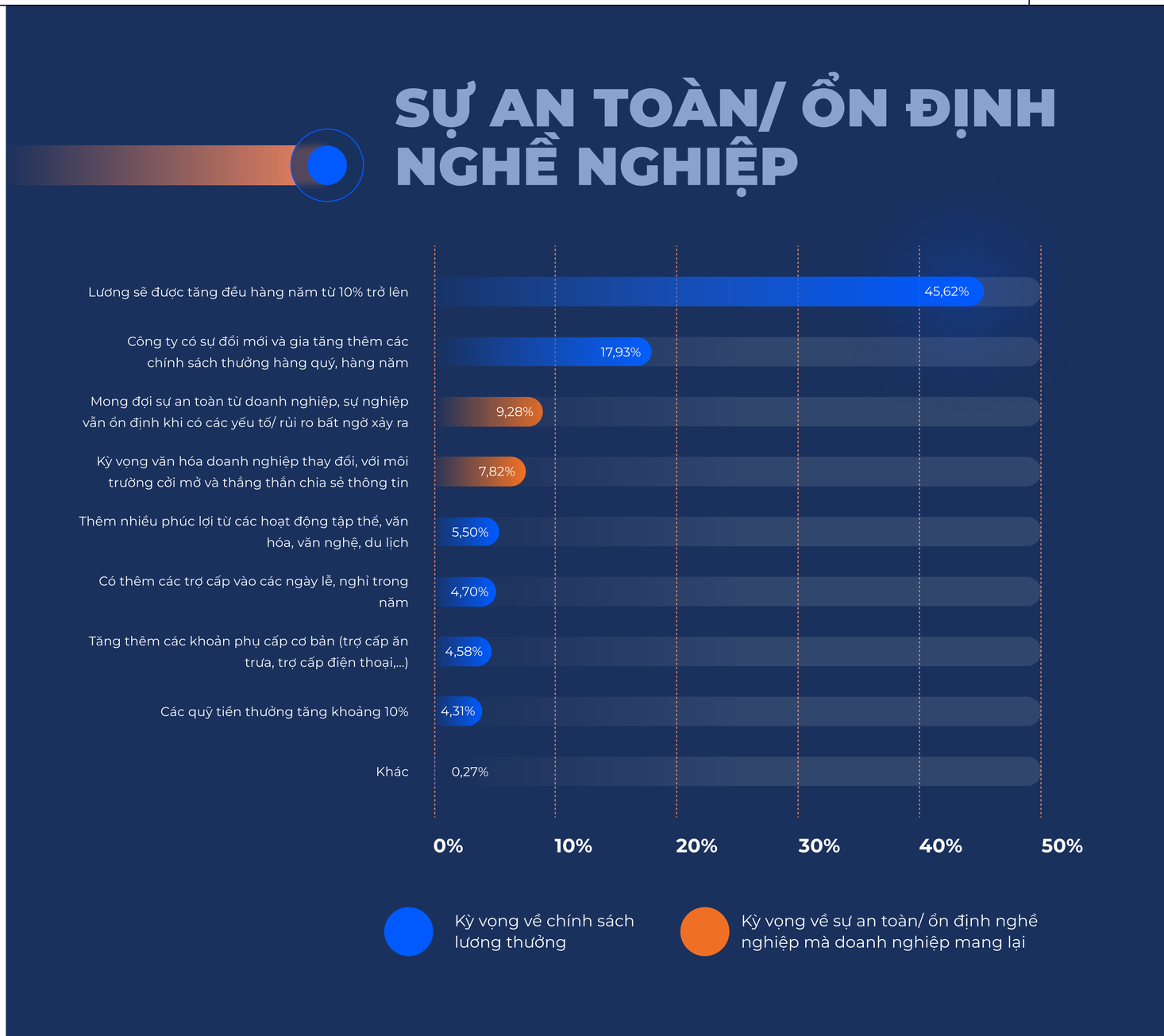


Sự an toàn/ ổn định nghề nghiệp

Theo khảo sát, bên cạnh các kỳ vọng về lương, thưởng và phúc lợi, người lao động cũng đặt thêm nhiều kỳ vọng khác vào doanh nghiệp. Điển hình như việc họ "Mong đợi sự an toàn từ doanh nghiệp, sự nghiệp vẫn ổn định khi có các yếu tố/ rủi ro bất ngờ xảy ra" và "Kỳ vọng văn hóa doanh nghiệp thay đổi, với môi trường cởi mở và thẳng thắn chia sẻ thông tin".

Với kết quả khảo sát trên, có thể thấy, sự an toàn và ổn định nghề nghiệp cũng là một trong những kỳ vọng của người lao động dành cho các doanh nghiệp trong năm 2023.

Các kỳ vọng trên dễ lý giải bởi **xu hướng của người lao động hiện nay đã có sự thay đổi**. Hậu Covid-19, **họ bắt đầu quan tâm hơn đến các yếu tố về tinh thần và kỳ vọng vào một sự nghiệp hạnh phúc.**



Sự thay đổi về các chính sách khác của doanh nghiệp

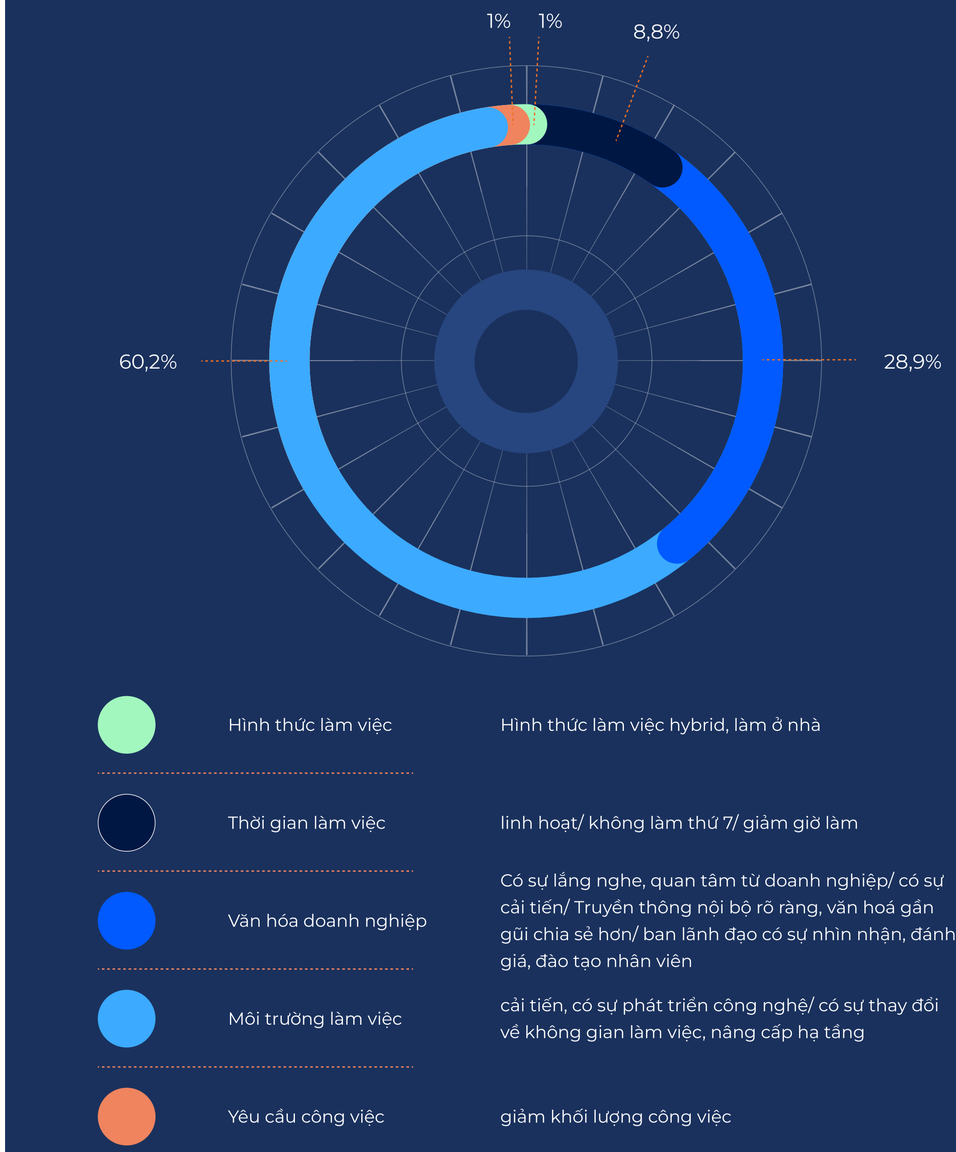
Hậu Covid-19, người lao động đang có sự thay đổi về nhu cầu và kỳ vọng nhiều hơn về công việc. Đặc biệt là sự thay đổi về các chính sách khác của doanh nghiệp.

Theo khảo sát, phần đông người lao động có kỳ vọng cao về "Môi trường làm việc", chiếm tỷ lệ 60.2%. Người lao động mong muốn doanh nghiệp có sự cải tiến và thay đổi về không gian làm việc. Đồng thời nâng cấp cơ sở vật chất, hạ tầng và phát triển công nghệ.

Bên cạnh đó, yếu tố về "Văn hóa doanh nghiệp" cũng được người lao động quan tâm. Với tỷ lệ 28.9% trên tổng số lượt bình chọn, có thể thấy, người lao động ngày nay kỳ vọng nhiều vào sự thay đổi trong văn hóa doanh nghiệp. Họ mong đợi sự lắng nghe, quan tâm từ phía doanh nghiệp cũng như sự cải tiến và xây dựng văn hóa nội bộ rõ ràng, gần gũi hơn. Đồng thời, người lao động cũng có sự kỳ vọng về ban lãnh đạo doanh nghiệp - là những người có thể nhìn nhận, đánh giá và đào tạo nhân viên.

Về "Thời gian làm việc" (chiếm tỷ lệ 8.8%), người lao động mong muốn giảm giờ làm việc hàng tuần để tái tạo sức lao động. Họ cũng mong muốn doanh nghiệp áp dụng chế độ làm việc linh hoạt để có sự chủ động trong việc cân bằng giữa công việc và cuộc sống. Liên quan đến giờ làm việc trong tuần, phần đông người lao động cũng kỳ vọng doanh nghiệp thay đổi và áp dụng chính sách "nghỉ làm ngày thứ bảy". Ngoài ra, các yếu tố khác như "Hình thức làm việc" (hybrid, làm ở nhà) với tỷ lệ 1% và "Yêu cầu công việc" và "Giảm khối lượng công việc" (tỷ lệ 1%) cũng là những yếu tố mà người lao động kỳ vọng.

Với kết quả khảo sát trên, có thể thấy, sự phát triển về môi trường và văn hóa doanh nghiệp đang dần trở thành những yếu tố quan trọng mà người lao động quan tâm. Có thể thấy, người lao động ngày nay đang dần thay đổi theo xu thế làm việc mới - khi họ có thể cân bằng công việc - cuộc sống (work-life balance).



Yếu tố cân nhắc khi chuyển việc

Xét về những yếu tố mà người lao động sẽ cân nhắc khi chuyển việc, "Lương" và "Môi trường làm việc" tiếp tục là 2 sự lựa chọn chiếm tỷ lệ cao lần lượt là 13.56% và 11.27%. Góp mặt trong nhóm 5 lựa chọn cao nhất còn có yếu tố "Văn hóa doanh nghiệp" với 8.14%, "Sự thăng tiến trong công việc" với 7.33%, và "Cơ chế thưởng" với 6.09%.

Có thể thấy, yếu tố về “Môi trường làm việc” và “Văn hóa doanh nghiệp” ngày càng được người lao động quan tâm. Bởi đây được xem là những yếu tố có thể góp phần cải thiện hiệu suất làm việc, cũng như mang tính chất quyết định đến sự gắn bó lâu dài của người lao động tại Doanh nghiệp.

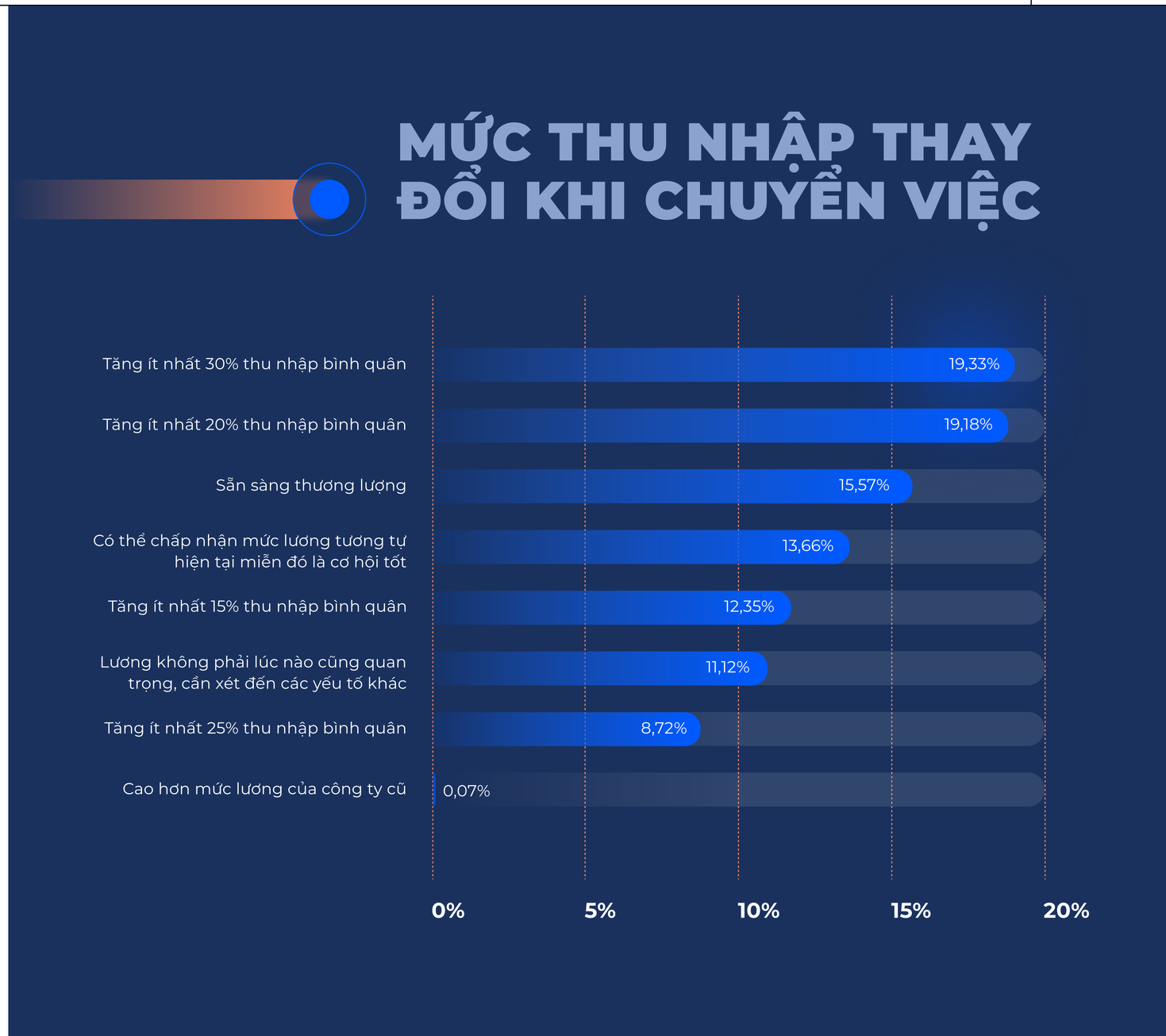


Mức thu nhập thay đổi khi chuyển việc

Người lao động tham gia khảo sát có kỳ vọng khá cao về mức thu nhập thay đổi khi chuyển việc. Mức “tăng ít nhất 30%” và “ít nhất 20%” so với thu nhập bình quân đứng vị trí thứ nhất và thứ hai trong tổng kết quả ghi nhận được, lần lượt chiếm tỷ lệ là 19.33% và 19.18%.

So với số liệu về mức tăng thu nhập thực tế trong năm 2022 được cung cấp bởi người lao động tham gia khảo sát, đa số mức tăng này dao động “từ 5 - 10%” hoặc “không thay đổi”, thì những kỳ vọng vào sự tăng thu nhập khi chuyển việc từ 20% - 30% đang là những con số khá cao.

Tuy vậy, vẫn có một phần người lao động "sẵn sàng thương lượng" về thu nhập của mình (15.57%) và “chấp nhận mức lương tương tự, miễn đó là cơ hội tốt” (13.66%). Điều này cho thấy, còn có những yếu tố phi tài chính khác ảnh hưởng đến kỳ vọng về công việc của họ.



Thời gian gắn bó với một công việc

Gần một nửa số lượng người lao động tham gia khảo sát (chiếm tỷ lệ là 44.28%) chưa có ý định thay đổi công việc mới trừ khi tìm thấy cơ hội mới tốt hơn. Lựa chọn “càng lâu càng tốt" đứng vị trí thứ 2 với tỷ lệ là 16.25%. Đặc biệt, lựa chọn gắn bó với công việc từ "1 - 2 năm" đứng cuối danh sách với tỷ lệ là 6.75%.

Lý giải điều này, tâm lý muốn chắc chắn và an toàn đang có nhiều ảnh hưởng đến người lao động, đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều biến chuyển như hiện tại. Do đó, thời gian gắn bó lâu dài với một công việc của người lao động hiện nay được xem là lựa chọn phổ biến.



05

Góc nhìn thực tế thị trường từ Navigos Group

5.1 Ngành Công nghệ thông tin 26

5.2 Ngành Sản xuất Công nghiệp 29

5.3 Các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Nhật Bản 31





5.1 Ngành Công nghệ thông tin (CNTT)

5.1.1. Nhận định chung về thị trường

Sau đại dịch Covid, thị trường lao động ngành Công nghệ thông tin (CNTT) đã có nhiều thay đổi và xuất hiện một số xu hướng nổi bật về mô hình làm việc, công nghệ và văn hóa doanh nghiệp.

Trong giai đoạn 2020 – 2021, do ảnh hưởng của dịch bệnh các công ty trong ngành CNTT cũng như phần lớn các ngành nghề khác đều chuyển sang hình thức làm việc trực tuyến. Tuy nhiên, trong năm 2022, theo quan sát của Navigos Search, các doanh nghiệp trong lĩnh vực này đã trở nên linh hoạt hơn cùng nhiều mô hình làm việc phù hợp với kỳ vọng của người lao động cũng như đáp ứng được tốc độ phát triển của dự án hay cam kết với khách hàng. Đi kèm với sự linh hoạt này là những trăn trở về việc đảm bảo hiệu suất lao động với các cơ chế quản lý từ xa hoặc giao việc thông qua các ứng dụng quản lý công nghệ. Một số công ty đề xuất mô hình làm việc linh hoạt với các nhân sự đã có ít nhất một năm làm việc tại văn phòng, thay vì áp dụng cơ chế này cho nhân viên mới.

Trong năm 2022, thị trường CNTT nhìn thấy sự tăng trưởng mạnh ở các công nghệ mới như AI và Data. Các doanh nghiệp với dữ liệu khách hàng lớn như ngân hàng, viễn thông và bán lẻ tuyển dụng thêm nhiều nhân sự có kinh nghiệm trong lĩnh vực này. Do nguồn cung nhân lực trong nước còn hạn chế, Việt Nam tiếp tục là điểm đến hấp dẫn thu hút nhân sự người Việt có kinh nghiệm AI và Data ở nước ngoài về tham gia thị trường lao động với mức thù lao cạnh tranh. Bên cạnh đó, số lượng tuyển dụng các vị trí Fullstack với thế mạnh về Back-end hoặc Front-end cũng tăng lên đáng kể. Khi yêu cầu tuyển dụng tăng lên đồng nghĩa với sự cạnh tranh để thu hút nhân sự tốt cũng tăng lên và các công ty được kỳ vọng sẽ có nhiều chính sách linh hoạt để thu hút nhân tài.

Trước giai đoạn Covid-19, các yếu tố giữ chân người lao động nhất là văn hóa doanh nghiệp vốn chưa được các công ty CNTT đề cao tầm quan trọng. Tuy nhiên, trong năm 2022, đây được xem là điểm sáng trong sự hồi phục của thị trường lao động nói chung cũng như các công ty CNTT nói riêng. Hiểu rõ sự quan trọng của việc gắn kết với người lao động sau đại dịch, bộ phận nhân sự trong các doanh nghiệp này đã chú trọng hơn vào phần xây dựng văn hóa doanh nghiệp thông qua các hoạt động nội bộ như các chuyến dã ngoại xây dựng độ gắn kết đội ngũ, các cuộc thi kỹ thuật trong phạm vi tổ chức và cuộc thi mở rộng. Đồng thời thường xuyên chăm sóc sức khỏe tinh thần của nhân viên. Một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tổ chức ngày văn hóa bản xứ giúp nhân viên hiểu hơn về công ty và từ đó gắn kết chặt chẽ với tổ chức.

Bên cạnh đó, các nhân sự quản lý cũng ý thức hơn về việc cải thiện kỹ năng quản lý nhằm giữ chân và tạo cảm hứng cho đội nhóm làm việc của mình.

Bên cạnh những thay đổi tích cực nói trên, thị trường lao động CNTT vẫn tồn tại những thách thức nhất định. Mặc dù hiểu rõ sức ép đến từ những doanh nghiệp trong cùng ngành, một số đơn vị tuyển dụng vẫn thiếu tính cam kết về tiến độ và quy trình tuyển dụng dẫn tới việc khó khăn khi thu hút nhân tài. Sự chậm trễ trong việc tương tác với ứng viên ở mỗi khâu tuyển dụng làm giảm sức hấp dẫn của thương hiệu tuyển dụng và khiến doanh nghiệp trở nên kém cạnh tranh trong mắt ứng viên tiềm năng. Một thách thức khác cho các nhà tuyển dụng và đồng thời cũng cho ứng viên là khoảng cách chênh lệch giữa mức lương mời nhận việc và kỳ vọng lương - thưởng của ứng viên. Trong nhiều trường hợp, nhà tuyển dụng đưa ra mức lương mời nhận việc thấp hơn hoặc không có sự thay đổi đáng kể so với thu nhập hiện tại của ứng viên, dẫn tới việc tuyển dụng không thành công. Từ phía các ứng viên, lương thưởng đang là một trong những yếu tố tiên quyết để quyết định chuyển việc. Tuy nhiên quan điểm này sẽ dần thay đổi khi các yếu tố phi tài chính như văn hóa doanh nghiệp, môi trường làm việc hay phong cách quản lý chiếm vai trò lớn hơn trong quyết định nghỉ việc.

5.1.2. Một số giải pháp đề xuất

Trong năm 2023, Navigos Search (thuộc Navigos Group) đề xuất những giải pháp dưới đây cho người sử dụng lao động (nhà tuyển dụng) và người lao động (ứng viên) như sau:

Đối với Nhà Tuyển dụng

- Duy trì và phát huy những hoạt động gắn kết nội bộ vốn đang là thế mạnh của văn hóa doanh nghiệp. Những hoạt động này không chỉ giúp nhân sự CNTT gắn bó hơn với tổ chức mà còn giúp tổ chức đẩy mạnh thương hiệu tuyển dụng một cách hiệu quả hơn.

- Nâng cao kỹ năng quản lý của các nhân sự cấp quản lý. Các công ty CNTT trước đây phần lớn chú trọng đến yếu tố kỹ thuật hơn là khả năng dẫn dắt đội nhóm. Tuy nhiên, sau Covid-19, phần lớn nhà tuyển dụng đặt yêu cầu cao hơn cho kỹ năng này và đây cũng là yếu tố thúc đẩy nhân sự CNTT cấp quản lý phát triển đồng đều kỹ năng mềm bên cạnh chuyên môn kỹ thuật.

- Nhà tuyển dụng nên cải thiện hoặc rút ngắn quy trình tuyển dụng để đảm bảo yếu tố tốc độ và xây dựng trải nghiệm tích cực cũng như hình ảnh chuyên nghiệp trong mắt ứng viên.

- Nhà tuyển dụng cũng cần đảm bảo khả năng tiếp cận với các xu hướng mới của thị trường lao động thông qua nhiều kênh khác nhau như mạng lưới nhân sự trong ngành, kênh truyền thông hoặc các công ty cung cấp dịch vụ tuyển dụng. Từ đó chuyển mình nhanh chóng để kịp thời thích nghi được với những xu hướng này.

Đối với Ứng viên

Đại dịch Covid-19 đã khiến tư duy người lao động trở nên linh hoạt và sẵn sàng ứng biến trong các tình huống khủng hoảng. Sự linh hoạt này sẽ giúp người lao động chấp nhận những thay đổi đột ngột và đặt bản thân vào trong một bức tranh lớn thay vì nhìn vào từng chi tiết nhỏ. Giữ một tâm thế bình tĩnh và cân nhắc các yếu tố phi tài chính ở môi trường làm việc mới sẽ giúp họ ra quyết định hiệu quả hơn, ví dụ như độ tiềm năng của sản phẩm hoặc tính bền vững của dự án hoặc cơ hội làm việc với các công nghệ tiên tiến và đối tác lớn.

Khi thị trường lao động có nhiều biến động khó kiểm soát, người lao động cần đặt bản thân trong trạng thái được chuẩn bị bằng cách chủ động trang bị cho mình các kỹ năng mềm quan trọng như kỹ năng giao tiếp (bao gồm tiếng Việt và tiếng Anh), kỹ năng quản lý đội nhóm và sự cập nhật liên tục với các công nghệ mới. Việc chú trọng vào phát triển bản thân này sẽ giúp người lao động nâng cao vị thế và giá trị trong mắt người sử dụng lao động hiện tại cũng như nhà tuyển dụng mới khi có quyết định thay đổi công việc. Bên cạnh đó, những kỹ năng này nên được thể hiện qua kỹ năng viết hồ sơ và làm nổi bật kinh nghiệm liên quan tới vị trí ứng tuyển.



5.2 Ngành Sản xuất Công nghiệp

5.2.1. Nhận định chung về thị trường

Ngành sản xuất công nghiệp Việt Nam đã trải qua một năm với nhiều biến động. Hoạt động sản xuất đã khởi sắc trở lại trong ba quý đầu năm 2022 với nhiều cơ hội việc làm được mở ra cho người lao động. Tuy nhiên, đến quý 4 năm 2022, do ảnh hưởng từ sự sụt giảm các đơn hàng chủ chốt từ Mỹ, Châu Âu và Trung Quốc, chỉ số sản xuất tại Việt Nam tháng 12/2022 đã ở mức thấp nhất kể từ quý 3/2021. Đồng thời với việc giảm sản lượng sản xuất, số lượng việc làm cũng giảm tương ứng và là mức giảm mạnh nhất trong 14 tháng qua.

Thị trường thế giới năm 2023, theo dự báo, còn tiềm ẩn những nhân tố bất lợi nhưng khả năng có thể sẽ phục hồi trở lại từ giữa năm 2023. Điều đó cũng đồng nghĩa với việc mở ra những triển vọng cho Việt Nam trong năm tới. Ngoài ra, việc thu hút vốn đầu tư FDI trong ngành sản xuất tại Việt Nam năm 2022 khá tốt, với hơn 22 tỷ USD và nếu được triển khai trong 2023 sẽ có tác động tích cực tới ngành kinh tế Việt Nam nói chung và ngành sản xuất nói riêng. Khu vực FDI chiếm hơn 50% tổng giá trị sản xuất công nghiệp và hơn 75% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2022, trực tiếp và gián tiếp tạo ra việc làm cho khoảng 12 triệu lao động Việt Nam. Đây cũng là những yếu tố mang lại góc nhìn tích cực cho thị trường lao động Việt Nam trong thời gian tới.

5.2.2. Một số giải pháp đề xuất

Đối với Nhà Tuyển dụng

- Hình thức làm việc Hybrid và tính linh hoạt trong công việc là xu hướng được tiếp tục áp dụng ở rất nhiều doanh nghiệp sau giai đoạn Covid-19. Đối với doanh nghiệp sản xuất, hình thức làm việc Hybrid sẽ khó được áp dụng hơn do đặc thù công việc. Tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp tìm cách áp dụng một phần với một số bộ phận gián tiếp như nhân sự, tài chính, hành chính, quản lý chuỗi cung ứng... nhằm tạo thuận lợi hơn cho người lao động.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, thương hiệu nhà tuyển dụng là điều mà các doanh nghiệp hướng tới hoặc đang triển khai để giữ chân người lao động.
- Đối với nhiều doanh nghiệp không hoặc ít bị ảnh hưởng bởi việc giảm đơn hàng, đây cũng là cơ hội mà các doanh nghiệp có thể tìm được những nhân sự tốt từ các doanh nghiệp khác mà trước đó thể rất khó với họ để tuyển dụng.
- Với những doanh nghiệp buộc phải cắt giảm lao động, hãy giữ lại những nhân sự chủ chốt, nếu được, bởi họ sẽ là những nhân tố then chốt giúp doanh nghiệp khôi phục sản xuất và đào tạo khi sản xuất trở lại bình thường. Đồng thời, doanh nghiệp có thể triển khai các chương trình đào tạo, phát triển nhân sự trong lúc ngừng hoặc cầm chừng sản xuất để chuẩn bị cho sự trở lại khi doanh nghiệp có đơn hàng.

Đối với Ứng viên

- Liên tục học tập, trau dồi kiến thức, sử dụng công nghệ thành thạo, sẵn sàng thích nghi với sự thay đổi là điều mà nhiều người lao động hướng tới trong thời kỳ mới.
- Xây dựng thương hiệu cá nhân, tạo dựng uy tín tại nơi làm việc sẽ giúp người lao động mở ra nhiều cơ hội hơn cho bản thân.
- Đối với người lao động bị mất việc, hãy tranh thủ học tập, nâng cao kỹ năng, tay nghề để ứng phó với tình hình mới.



5.3 Các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Nhật Bản

5.3.1. Nhận định chung về thị trường

Việt Nam được xếp hạng thứ 7 trong danh sách các nước đáng đầu tư trên toàn cầu (được bình chọn bởi U.S. News). Nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng 8.02% vào năm 2022, tốc độ hàng năm nhanh nhất kể từ năm 1997, được hỗ trợ bởi doanh số bán lẻ trong nước và xuất khẩu mạnh mẽ, nhưng đang phải đối mặt với những khó khăn từ suy thoái toàn cầu. Những chỉ số này là dấu hiệu rất tích cực cho thị trường lao động Việt Năm năm 2023.

Đại dịch Covid đã giúp các doanh nghiệp đưa ra được những sáng kiến và giải pháp sáng tạo về định hướng kinh doanh, mô hình quản lý doanh nghiệp, hình thức làm việc, cách gắn kết lao động trong công ty, v...v...

Hiện nay, nhiều doanh nghiệp đã rất quen với mô hình làm việc Hybrid, phỏng vấn/ họp online, tinh giản bộ máy nhân sự, cắt giảm các vị trí dư thừa. Trong năm vừa qua, hình thức làm việc Hybrid cũng như các quyền lợi y tế - hỗ trợ Covid đã trở thành một trong các quyền lợi hấp dẫn người lao động. Những giải pháp tức thời này cũng là điểm mới đối với những doanh nghiệp truyền thống như doanh nghiệp Nhật.

Trước nay, các doanh nghiệp Nhật có xu hướng tập trung tới phân khúc Nhật – thể hiện trong việc lựa chọn các mối quan hệ hợp tác, lựa chọn phân khúc khách hàng chính, v...v... Trong năm vừa rồi, số lượng tuyển dụng các vị trí người Hàn, người Trung/ Đài Loan cho các doanh nghiệp Nhật chiếm khoảng 40% so với số lượng các vị trí tuyển người Nhật, đa số là các vị trí phụ trách Kinh Doanh. Điều này thể hiện rằng các doanh nghiệp Nhật đã "mở cửa" hơn trong định hướng kinh doanh của mình, không chỉ tập trung vào khối khách hàng Nhật mà còn phát triển thêm thị trường Hàn và Trung.

Trong nửa cuối năm 2022, khi được hỏi về nhu cầu tuyển dụng, gần 90% các doanh nghiệp mong muốn duy trì, thậm chí đẩy mạnh hoạt động tuyển dụng để tìm kiếm nhân tài. Số lượng vị trí tuyển dụng đến từ các doanh nghiệp Nhật Bản bằng khoảng 70% so với nhu cầu tuyển dụng trong giai đoạn đầu năm 2022. Đây là tín hiệu tương đối khả quan đối với thị trường lao động sau hơn một năm quay trở lại từ đại dịch Covid-19.

Trái với "xu hướng" sa thải hàng loạt từ các 'ông lớn' ngành công nghệ, phần lớn các doanh nghiệp Nhật duy trì, thậm chí tiến hành tuyển dụng thêm. Tuy nhiên, các khâu tuyển dụng được thực hiện lâu và kéo dài do đặc điểm điển hình của các doanh nghiệp Nhật: đòi hỏi hài hòa nhiều yếu tố từ kinh nghiệm làm việc, tuổi tác, giới tính, tính cách, định hướng, v...v... Nếu quy trình được rút ngắn, chắc chắn các doanh nghiệp Nhật sẽ tuyển dụng hiệu quả hơn dù bằng cách trực tiếp hay qua các đơn vị tuyển dụng như Navigos Search.

Một thử thách thường có ở các doanh nghiệp Nhật, xảy ra thường xuyên hơn so với các doanh nghiệp khác, đó là "mức lương đề xuất để ứng viên nhận việc chưa hấp dẫn". Những năm gần đây, tốc độ tăng lương trên thị trường khá nhanh, một phần vì lạm phát, nhưng phần lớn là vì người lao động trau dồi và phát triển kỹ năng nhiều hơn. Nếu doanh nghiệp Nhật chưa bắt kịp với tốc độ tăng lương trên thị trường chung, thì việc khó thu hút nhân tài giỏi là kết quả hiển nhiên ở thời điểm hiện tại. Quan trọng hơn, điều đó sẽ nhanh chóng ảnh hưởng đến chất lượng lao động của doanh nghiệp chỉ trong 1 - 2 năm tới.

5.3.2. Một số giải pháp đề xuất

Trong năm 2023, Navigos Search (thuộc Navigos Group) đề xuất những giải pháp dưới đây cho người sử dụng lao động (nhà tuyển dụng) và người lao động (ứng viên) như sau:

Đối với Nhà Tuyển dụng

- Để giữ được lợi thế cạnh tranh trong việc thu hút nhân tài giỏi trong thị trường lao động hiện nay, các doanh nghiệp Nhật cần xem xét, cân nhắc lại về dải lương cho người lao động, đặc biệt ở đối tượng đã có trên 5 năm kinh nghiệm.

- Ngoài ra, các doanh nghiệp Nhật cần tinh giản và tiêu chuẩn hóa các bước tuyển dụng, cần rút ngắn thời gian chờ giữa từng vòng phỏng vấn. Thông thường, trên thị trường, thời gian chờ giữa các vòng phỏng vấn từ 1 - 5 ngày.

- Khi đầu tư vào thị trường Việt Nam, các doanh nghiệp Nhật cần tìm hiểu sâu hơn về văn hóa Việt Nam, cũng như nguyện vọng khi lựa chọn việc làm của người lao động. Đối với người Nhật, thời gian gắn bó cho 1 công ty có thể lên tới vài chục năm, và người lao động thay đổi công ty có thể nhận mức lương mới thấp hơn mức lương cũ. Tuy nhiên, điều này không áp dụng cho thị trường lao động tại Việt Nam. Thông thường, mức tăng lương trung bình khi chuyển việc ở cùng 1 cấp độ dao động từ 10% - 15%, và nếu tăng cấp độ thì mức tăng lương là 15% - 25%. Sự hài lòng về mức lương và các quyền lợi khác – luôn là một trong ba lý do chuyển việc của người lao động, trong bất kỳ các khảo sát lương nào.

Đối với Ứng viên

Khi đã lựa chọn doanh nghiệp Nhật Bản để gắn bó và cống hiến, người lao động thường nhận định rất rõ điểm tốt của văn hóa doanh nghiệp Nhật: hài hòa, nhân văn, minh bạch, ổn định. Để có được những điều này, đôi khi người lao động sẽ sẵn sàng đánh đổi những yếu tố khác. Tuy nhiên, người lao động nên trao đổi thẳng thắn với nhà tuyển dụng trước khi nhận việc, để tránh việc thay đổi quyết định quá ngắn sau khi gia nhập.

Đứng trước nguy cơ suy thoái kinh tế toàn cầu, người lao động nên đặt mục tiêu phát triển giá trị bản thân lên trước tiên. Dù rằng làm việc ở môi trường Nhật thường rất ổn định, hài hòa, nhưng đừng quên việc luôn luôn trau dồi các kỹ năng để sẵn sàng đương đầu với những thay đổi có thể đến bất kỳ lúc nào. Ổn định là tốt, nhưng không có nghĩa bạn có thể an tâm dừng lại và không học hỏi.

06 BẢNG LƯƠNG CHI TIẾT CÁC NGÀNH HÀNG

(*) Đơn vị: USD

6.1 Xây dựng & Bất động sản 35
6.2 Thiết bị điện tử 41
6.3 Công nghệ thông tin & Viễn thông 46
6.4 Ngân hàng 50
6.5 May mặc/ Dệt may/ Da giày 56
6.6 Ngành hàng tiêu dùng nhanh 62
6.7 Giáo dục 66
6.8 Vận tải/ Giao nhận/ Chuỗi cung ứng 72
6.9 Bán lẻ/ Bán buôn & Chuỗi nhà hàng 77
6.10 Tự động hóa/ Ô tô 82
6.11 Hóa chất/ Vật liệu xây dựng & Bao bì/ In ấn/ Nhựa 88
6.12 Dịch vụ tư vấn 93
6.13 Dược phẩm 98
6.14 Khách sạn & Du lịch 101
6.15 Nông nghiệp 108
6.16 Dịch vụ Tài chính & Tư vấn 112
6.17 Dịch vụ chăm sóc sức khỏe 114
6.18 Thương mại điện tử/ Dịch vụ trực tuyến & Công nghệ tài chính 120
6.19 Năng lượng/ Năng lượng tái tạo & Dầu khí 124
6.20 Bảo hiểm 132
6.21 Ngành thương mại, dịch vụ có vốn đầu tư của Nhật 137
6.22 Sản xuất có vốn đầu tư của Nhật Bản 141
6.23 Chứng khoán 146





6.1
Xây dựng & Bất động sản

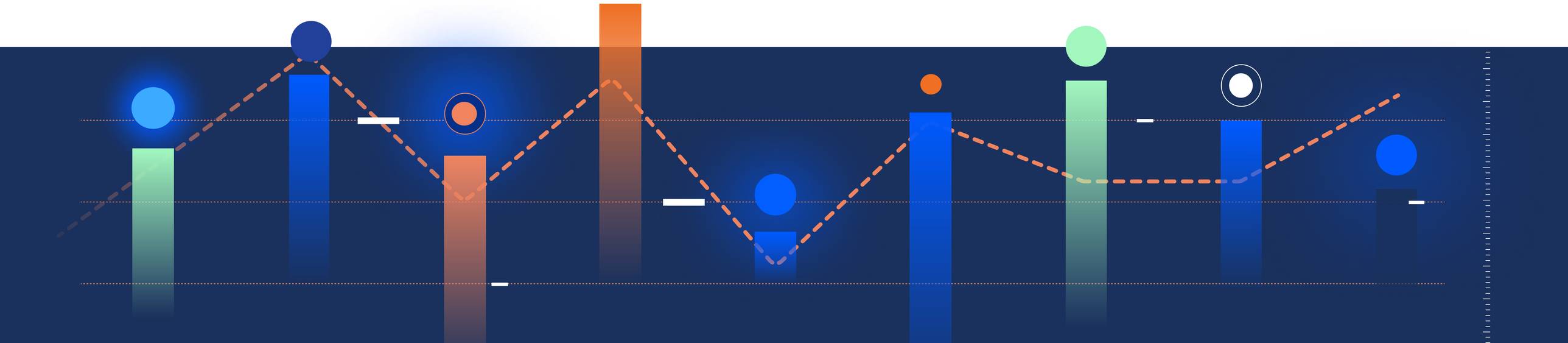
		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Ban Giám đốc	Giám đốc điều hành/ Tổng giám đốc	10,000	N/A	7,000	20,000
Hành chính tổng hợp	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	350	600	350	600
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	900	600	1,200
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	1,500	700	1,700
	Trưởng phòng	1,000	2,400	1,000	2,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,500	4,000	2,000	3,500
Nhân sự	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	800	1,500	350	600
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	2,000	600	1,200
	Trưởng phòng	1,800	5,000	700	1,700
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,500	8,000	2,000	7,000
Thiết kế	Có kinh nghiệm / chưa là Trưởng phòng	500	2,000	500	2,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,200	2,200	1,500	2,200
	Trưởng phòng	1,800	4,000	2,200	4,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,000	10,000	4,000	10,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Phát triển kinh doanh Phát triển dự án	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	1,200	800	2,500
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	2,400	1,100	2,500
	Trưởng phòng	2,000	4,000	2,200	4,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,000	10,000	3,000	8,000
Quản lý dự án	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	650	1,500	800	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	2,000	1,100	1,800
	Trưởng phòng	1,800	4,500	1,800	3,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,000	8,000	3,000	6,000
Chi phí & Hợp đồng	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	700	1,200	700	1,800
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,200	2,500	1,000	2,000
	Trưởng phòng	2,000	4,000	1,800	3,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,000	8,000	2,500	6,500
Dịch vụ khách hàng	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	350	620	350	750
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	520	1,200	600	1,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Dịch vụ khách hàng	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	1,800	900	1,800
	Trưởng phòng	1,500	3,500	1,000	3,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,500	4,000	2,200	4,000
Kế toán/ Tài chính	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	600	1,500	500	950
	Trưởng nhóm/ Giám sát	900	2,200	1,100	2,500
	Trưởng phòng	1,700	4,500	1,800	3,500
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,500	13,000	3,500	15,000
Môi trường/ An toàn	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	300	700	400	500
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	1,500	800	1,200
	Trưởng phòng	1,000	3,000	1,500	3,500
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,000	5,000	3,500	6,000
Đầu tư	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	400	1,000	400	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	2,000	1,000	2,000
	Trưởng phòng	1,700	4,500	3,000	6,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,400	12,000	6,000	15,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Pháp lý & Tuân thủ	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	400	1,000	500	700
	Trưởng nhóm/ Giám sát	700	1,500	1,000	1,500
	Trưởng phòng	1,500	4,500	3,000	5,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	4,000	12,000	4,000	12,000
Kinh doanh/ Bán hàng	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	200	650	300	500
	Trưởng nhóm/ Giám sát	500	1,300	500	800
	Trưởng phòng	1,500	4,000	1,000	3,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,500	10,000	3,500	10,000
Truyền thông/ tiếp thị	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	350	800	400	800
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	700	1,600	800	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,500	2,500	1,000	2,000
	Trưởng phòng	2,000	4,000	2,000	5,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,000	10,000	3,500	10,000
Quản lý tài sản	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	1,100	500	700
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	1,500	1,000	2,000
	Trưởng phòng	1,300	3,000	2,500	5,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,500	11,000	5,000	15,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Kiểm Tra Chất Lượng	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	1,000	700	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	900	1,600	1,000	1,500
	Trưởng phòng	1,500	3,000	1,500	2,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,000	5,000	2,500	5,000
Nghiên cứu & Phát triển	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	700	1,200	500	700
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	2,000	800	1,200
	Trưởng phòng	1,800	4,000	1,500	3,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,500	7,000	3,000	7,000





6.2 Thiết bị điện tử

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Hành chính	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 5 năm kinh nghiệm	300	500	400	500
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	700	450	800
	Trưởng nhóm/ Giám sát	500	1,000	650	1,000
	Trưởng phòng	1,000	2,500	1,000	3,000
Dịch vụ khách hàng	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 5 năm kinh nghiệm	300	500	350	500
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	300	500	500	800
	Trưởng nhóm/ Giám sát	700	1,000	800	2,000
	Trưởng phòng	1,200	2,000	1,000	3,300
Kỹ thuật	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 5 năm kinh nghiệm	300	500	500	800
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	400	600	900	1,200
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	1,500	1,300	2,000
	Trưởng phòng	1,500	3,000	2,000	5,000
Tài chính/ Kế toán	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 5 năm kinh nghiệm	300	500	400	800
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	400	600	600	1,200
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	1,500	1,200	2,500

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Tài chính/ Kế toán	Trưởng phòng	1,000	2,000	2,000	5,000
	Giám đốc	3,500	5,000	4,000	9,000
Nhân sự	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 5 năm kinh nghiệm	300	500	300	600
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	400	600	500	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	500	1,000	900	2,000
	Trưởng phòng	1,000	2,000	2,000	3,000
	Giám đốc	3,000	5,000	3,500	6,000
Môi trường/ An toàn sức khỏe	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 5 năm kinh nghiệm	300	500	400	500
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	400	600	500	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	500	1,000	1,300	1,500
	Trưởng phòng	1,000	3,000	2,000	4,000
IE/ CI/ Lean	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 5 năm kinh nghiệm	300	500	300	500
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	400	600	500	800
	Trưởng nhóm/ Giám sát	500	1,000	2,000	3,500
	Trưởng phòng	1,500	5,000	3,500	5,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Xuất nhập khẩu	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 5 năm kinh nghiệm	300	500	400	500
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	400	600	600	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	500	1,000	1,200	1,800
	Trưởng phòng	1,000	2,500	2,000	3,500
IT	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 5 năm kinh nghiệm	300	500	300	550
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	400	600	500	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	500	1,000	800	1,200
	Trưởng phòng	1,000	3,000	1,400	3,500
Pháp lý & Tuân thủ	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 5 năm kinh nghiệm	300	500	800	1,000
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	400	600	1,500	2,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	600	1,500	2,500	3,000
	Trưởng phòng	1,500	3,000	3,500	7,000
Chuỗi cung ứng	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 5 năm kinh nghiệm	300	500	300	600
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	400	600	450	1,300
	Trưởng nhóm/ Giám sát	600	1,000	1,000	2,000
	Trưởng phòng	1,000	2,000	2,000	5,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Bảo trì	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 5 năm kinh nghiệm	300	500	450	500
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	400	600	500	1,500
	Trưởng nhóm/ Giám sát	500	1,000	1,300	2,000
	Trưởng phòng	1,000	2,500	2,000	3,300





6.3
Công nghệ thông tin & Viễn thông

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Ban Giám đốc	Giám đốc/ Trưởng bộ phậnGiám đốc điều hành/	3,000	12,000	5,000	12,000
	Tổng giám đốc	4,000	20,000	6000	20,000
Phát triển kinh doanh	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	1,500	800	2,000
	Trưởng phòng	1,200	4,500	1,500	4,500
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,000	7,000	2,000	7,000
Dữ liệu	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	1,000	3,000	1,000	3,500
	Chuyên gia	3,000	N/A	3,000	5,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,700	4000	2,000	4,000
	Trưởng phòng	3,000	N/A	3,000	6,000
Phát triển phần mềm	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	1,000	700	1,200
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	700	3,000	1,000	3,000
	Chuyên gia	3,000	5,000	3,000	5,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,500	3,000	2,000	3,500
	Trưởng phòng	2,000	4,000	2,000	4,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,000	10,000	4,000	12,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Kế toán/ Tài chính	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	600	2,000	600	2,000
	Trưởng phòng	1,500	5,000	1,500	5,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,000	8,000	2,000	8,000
Phần cứng/ Hệ thống	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	2,500	500	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	700	2,500	1,000	2,500
	Trưởng phòng	1,000	3,000	2,000	3,000
Nhân sự	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	800	300	800
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	1,800	500	1,800
	Trưởng nhóm/ Giám sát	700	2,000	800	2,000
	Trưởng phòng	1,300	3,000	1,500	3,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,000	4,500	2,500	4,500
Hỗ trợ kỹ thuật	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	400	1,200	400	1,200
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	1,700	1,000	2,000
	Trưởng phòng	1,500	2,500	1,500	2,500

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Pháp lý & Tuân thủ	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	700	2,200	700	2,200
	Trưởng phòng	3,000	5,000	3,000	5,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	4,500	6,500	4500	6,500
Truyền thông/ Tiếp thị	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	800	400	800
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	600	1,800	600	1,800
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,200	2,000	1,200	2,000
	Trưởng phòng	1,500	3,000	1,500	3,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,500	4,500	2,500	4,500
Phát triển sản phẩm	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	800	2,500	800	2,500
	Trưởng phòng	1,500	4,000	2,000	4,500
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,500	5,000	3,000	6,000
Kiểm thử, kiểm soát Chất Lượng	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	350	600	400	1,000
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	2,000	800	2,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	2,500	1,500	2,500
	Trưởng phòng	1,500	4,000	2,000	4,500



6.4 Ngân hàng

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Đào tạo	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	600	1,500	800	1,500
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	2,000	1,500	2,000
	Trưởng phòng	1,500	3,000	2,000	3,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	4,000	8,000	3,000	7,000
Ngân hàng Doanh Nghiệp	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý (ARM, RM)	650	2,500	700	1,500
	Trưởng nhóm/ Giám sát (RM, SRM)	1,000	6,000	1,500	8,000
	Trưởng phòng	3,000	8,000	3,000	10,000
	Chuyên gia/ Cố vấn	3,000	5,000	3,000	5,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	4,000	20,000	5,000	20,000
Dịch vụ khách hàng	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	1,200	500	1,500
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	2,000	1,500	2,500
	Trưởng phòng	1,500	4,000	2,000	4,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,500	5,000	4,000	6,000
Dữ liệu	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	1,000	2,500	1,000	2,500
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,500	3,000	1,500	3,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Dữ liệu	Trưởng phòng	2,500	5,000	2,500	5,000
	Chuyên gia/ Cố vấn	3,000	5,000	3,000	5,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	4,000	15,000	4,000	15,000
Kế toán/ Tài chính	Có kinh nghiệm/Chưa là quản lý	600	1,500	1,000	2,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	3,000	2,000	3,000
	Trưởng phòng	2,000	6,000	3,000	6,000
	Chuyên gia	1,800	5,000	2,500	5,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	5,000	20,000	5,000	20,000
Nhân sự	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	600	1,000	800	1,500
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	2,000	1,500	2,500
	Chuyên gia/ Cố vấn	1,500	3,000	1,800	3,000
	Trưởng phòng	1,500	5,000	2,500	3,500
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,500	15,000	3,500	15,000
Công nghệ thông tin	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	700	2,000	700	2,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	2,500	1,000	2,500
	Chuyên gia/ Cố vấn	1,500	5,000	1,500	5,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Công nghệ thông tin	Trưởng phòng	2,000	8,000	2,000	8,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	7,000	25,000	7,000	25,000
Kiểm toán nội bộ	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	800	1,500	800	1,500
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,200	2,000	1,500	2,500
	Trưởng phòng	2,000	3,500	2,500	3,500
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,500	7,000	3,500	7,000
Pháp lý & Tuân thủ	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	700	2,500	800	2,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,200	3,500	2,000	3,000
	Chuyên gia/ Cố vấn	2,000	5,000	2,500	5,000
	Trưởng phòng	2,500	8,000	3,000	10,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	5,000	15,000	5,000	15,000
Marketing & Truyền thông	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	700	2,000	1,000	2,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	2,500	900	1,800
	Trưởng phòng	1,500	6,000	2,500	6,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	4,000	15,000	5,000	15,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Vận hành	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	1,500	800	1,500
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	2,000	1,500	2,000
	Chuyên gia/ Cố vấn	2,000	8,000	3,000	6,000
	Trưởng phòng	2,000	5,000	2,000	5,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	5,000	15,000	5,000	15,000
Sản phẩm	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	1,000	2,000	1,200	2,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,500	2,500	2,000	2,500
	Trưởng phòng	2,000	5,000	2,500	5,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,500	12,000	5,000	12,000
Trưởng phòng rủi ro	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	800	1,500	800	1,500
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	2,000	1,500	2,500
	Chuyên gia/ Cố vấn	1,500	4,500	2,000	4,000
	Trưởng phòng	1,500	5,000	2,000	5,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	4,000	20,000	5,000	20,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Ngân hàng Bán lẻ	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	600	1,500	700	1,500
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	1,500	1,500	2,500
	Trưởng phòng	1,500	5,000	2,500	5,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	5,000	20,000	5,000	20,000
Ngân hàng giao dịch	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	800	1,200	1,000	2,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	2,500	2,000	3,000
	Chuyên gia/ Cố vấn	2,000	5,000	2,500	5,000
	Trưởng phòng	2,500	6,000	3,000	6,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	4,000	15,000	5,000	15,000
Thị trường vốn	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	1,000	2,500	1,000	2,500
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,500	3,500	1,500	3,500
	Trưởng phòng	2,000	6,000	3,000	6,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	4,000	12,000	5,000	15,000



6.5 May mặc/ Dệt may/ Da giày

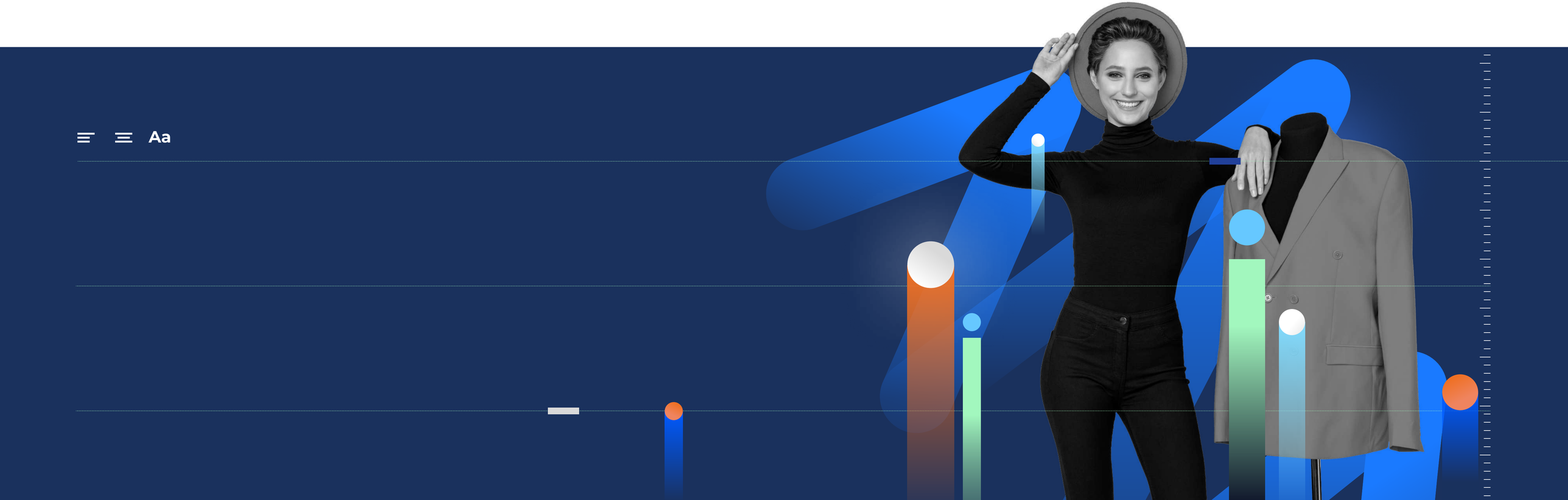
		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Hành chính nhân sự	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	700	300	800
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	650	1,200	500	1,200
	Trưởng nhóm/ Giám sát	830	1,500	800	1,500
	Trưởng phòng	1,500	3,500	1,200	5,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,800	8,000	3,000	8,000
Kế toán và tài chính	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	800	300	800
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	650	1,200	650	1,200
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,200	1,600	900	1,600
	Trưởng phòng	1,800	3,500	1,500	5,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,000	8,000	3,000	8,000
Pháp lý & Tuân thủ	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	1,000	500	1,000
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	800	1,800	650	1,200
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,200	2,000	800	2,500
	Trưởng phòng	2,000	4,000	1,500	5,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	N/A	N/A	5,000	10,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Chuỗi cung ứng (Tìm nguồn cung ứng, Buôn bán, Mua hàng, Hậu cần, Kho hàng)	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	800	350	800
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	600	1,200	650	1,500
	Trưởng nhóm/ Giám sát	840	1,500	1,000	1,700
	Trưởng phòng	1,500	3,500	1,500	4,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,500	7,000	5,000	15,000
Bán hàng, Phát triển kinh doạn, Dịch vụ bán hàng	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	800	300	800
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	800	1,500	500	1,200
	Trưởng nhóm/ Giám sát	900	1,800	1,000	1,500
	Trưởng phòng	1,500	3,500	2,000	3,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,000	7,000	3,000	10,000
Công nghệ thông tin	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	450	1,200	300	700
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	900	1,500	600	1,500
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,500	2,200	1,500	2,500
	Trưởng phòng	2,000	5,000	3,000	6,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	N/A	N/A	8,000	15,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Tìm nguồn cung ứng	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	800	1,500	650	1,500
	Trưởng nhóm/ Giám sát	900	1,800	1,000	2,000
	Trưởng phòng	1,800	5,000	2,000	4,000
Tính giá thành sản phẩm	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	800	400	700
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	700	2,000	1,000	2,000
	Trưởng phòng	1,800	5,000	2,500	5,000
An toàn/ Sức khỏe/ Môi trường	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	800
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	700	1,200	1,000	2,000
	Trưởng phòng	1,800	3,000	2,000	5,000
Quy trình phát triển mẫu	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	350	1,000	400	800
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	1,200	3,000	1,000	3,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	2,000	2,500	3,000
	Trưởng phòng	2,000	4,000	3,000	5,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,000	7,000	5,000	10,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Cơ khí/ Bảo trì	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	800	300	800
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	700	1,200	500	1,500
	Trưởng phòng	1,500	3,000	1,500	3,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	N/A	N/A	3,000	7,000
Kỹ thuật công nghiệp	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	350	700	300	600
	Trưởng nhóm/ Giám sát	900	1,800	500	1,500
	Trưởng phòng	1,800	3,500	2,000	4,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,500	7,000	5,000	10,000
Đảm bảo chất lượng	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	300	700	300	600
	Trưởng nhóm/ Giám sát	700	1,500	700	2,000
	Trưởng phòng	1,500	4,000	2,000	5,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,000	6,000	4,000	8,000
Sản xuất	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	800	300	1,000
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	800	1,200	500	1,500
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	1,800	1,000	2,000
	Trưởng phòng	1,800	4,000	2,000	5,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	4,000	7,000	3,000	10,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Thí nghiệm	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	600	300	700
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	800	1,500	700	1,500
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	1,800	1,000	2,000
	Trưởng phòng	2,000	3,500	2,000	5,000





6.6 Ngành hàng tiêu dùng nhanh

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Ban Giám đốc	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	4,000	13,000	7,000	15,000
	Giám đốc điều hành/ Tổng giám đốc	5,000	20,000	12,000	20,000
Kế toán/ Tài chính	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	1,500	400	1,000
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	625	2,500	900	2,500
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,075	2,500	2,000	4,000
	Trưởng phòng	1,500	8,000	3,500	7,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,000	12,000	7,000	15,000
Nhân sự	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	300	1,200	300	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	900	1,800	900	2,000
	Trưởng phòng	1,300	4,000	2,000	5,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,700	12,000	5,000	15,000
Truyền thông/ Tiếp thị	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	800	450	800
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	1,000	1,400	850	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	1,500	1,300	2,000
	Trưởng phòng	1,000	5,000	2,200	4,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,767	10,000	4,500	12,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Vận hành	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	200	800	400	800
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	400	500	600	1,200
	Trưởng nhóm/ Giám sát	500	1,500	1,000	1,500
	Trưởng phòng	500	3,000	1,500	3,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	4,000	5,000	3,500	8,000
Sản xuất	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	700	2,000	700	1,500
	Trưởng nhóm/ Giám sát	700	1,500	1,000	2,500
	Trưởng phòng	800	5,000	2,000	4,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,200	10,000	4,000	10,000
Mua hàng	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	1,200	1,900	1,000	1,500
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	2,000	1,500	2,500
	Trưởng phòng	2,500	6,000	3,000	10,000
Nghiên cứu & Phát triển	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	700	300	700
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	750	1,200	750	1,200
	Trưởng nhóm/ Giám sát	750	2,500	1,000	2,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Nghiên cứu & Phát triển	Trưởng phòng	1,000	4,000	1,500	3,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	1,200	7,000	3,000	8,000
Kinh doanh/ Bán hàng	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	350	550
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	700	2,500	600	1,500
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	3,000	1,800	2,000
	Trưởng phòng	1,000	5,000	2,200	4,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,500	12,000	4,500	15,000
Chuỗi cung ứng (Tìm nguồn cung ứng, Buôn bán, Mua hàng, Hậu cần, Kho hàng)	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	800	500	1,000
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	700	1,000	800	1,500
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	1,700	1,200	2,500
	Trưởng phòng	2,000	5,000	3,000	5,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,000	10,000	6,000	15,000



6.7
Giáo dục

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Đào tạo	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	250	500	300	500
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	1,350	700	1,200
	Trưởng nhóm/ Giám sát	850	1,500	1,250	1,500
	Trưởng phòng	1,200	2,700	1,600	3,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,500	7,000	3,000	6,000
Hành chính tổng hợp	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	200	650	250	500
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	1,200	650	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	1,500	1,000	1,300
	Trưởng phòng	1,200	2,500	1,300	2,500
Dịch vụ khách hàng	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	225	500	250	500
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	400	1,000	650	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	700	1,200	1,000	1,300
	Trưởng phòng	1,000	2,500	1,300	2,500
Ban Giám đốc	Giám đốc	4,000	10,000	4,000	10,000
	Giám đốc điều hành/ Tổng giám đốc	7,000	15,000	10,000	15,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Tuyển sinh	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	700	400	700
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	600	1,000	600	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	2,000	800	2,000
	Trưởng phòng	1,500	4,000	1,500	4,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,700	5,000	2,700	5,000
Nghiên cứu thị trường	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	550	300	500
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	450	750	400	800
	Trưởng nhóm/ Giám sát	700	1,100	700	1,200
	Trưởng phòng	1,000	2,000	1,500	2,500
Giáo viên	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	450	1,500	500	1,500
Dịch vụ khách hàng	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	550	250	500
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	400	700	650	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	700	1,000	1,000	1,300
	Trưởng phòng	1,000	1,800	1,300	2,500
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	1,200	2,500	2,500	3,500

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Công nghệ thông tin	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	700	300	700
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	450	1,000	450	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	1,700	800	1,700
	Trưởng phòng	1,500	2,500	1,500	2,500
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,000	15,000	3,000	13,000
Kế toán/ Tài chính	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	700	300	700
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	450	1,400	450	1,200
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	2,000	1,350	2,500
	Trưởng phòng	1,800	4,500	2,500	3,500
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,500	12,000	4,000	7,000
Nhân sự	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	800	300	700
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	650	1,200	450	1,250
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	1,800	1,350	2,500
	Trưởng phòng	1,200	2,500	2,500	3,500
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,000	8,000	4,000	7,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Thư viện	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	250	600	300	600
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	400	850	400	800
	Trưởng nhóm/ Giám sát	700	1,500	700	1,400
	Trưởng phòng	1,000	2,300	1,200	2,000
Truyền thông/ Tiếp thị	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	800	400	500
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	650	1,200	600	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	2,200	1,100	1,800
	Trưởng phòng	1,500	5,000	2,000	3,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,000	6,000	3,500	6,000
Vận hành	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	650	250	500
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	1,000	650	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	1,500	1,000	1,300
	Trưởng phòng	1,500	3,000	1,300	2,500
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,500	6,000	2,500	4,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Nghiên cứu và phát triển sản phẩm	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	700	300	600
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	1,000	600	900
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	1,500	1,000	1,500
	Trưởng phòng	1,300	2,500	1,500	3,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,300	6,000	3,000	6,000
Mua hàng	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	700	250	500
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	650	1,200	650	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	2,000	1,000	1,300
	Trưởng phòng	1,700	3,500	1,300	2,500



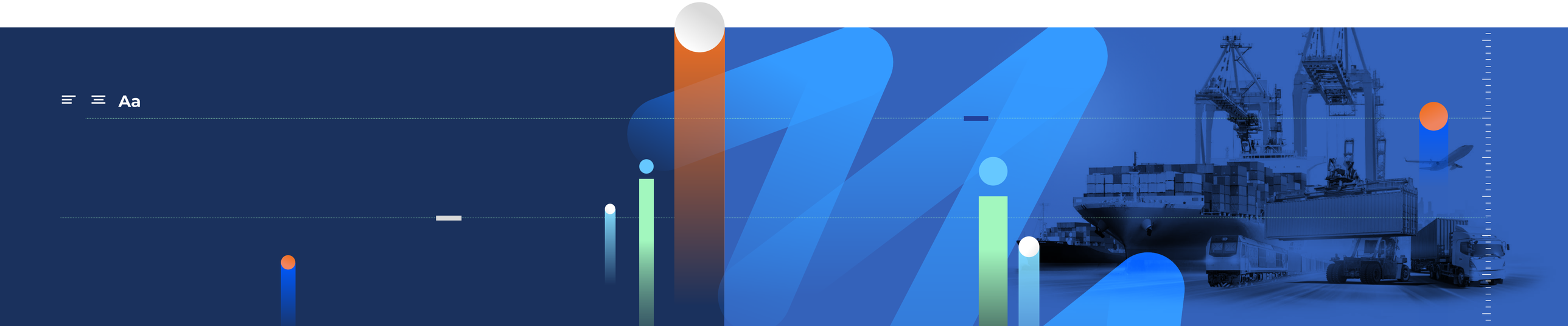
6.8
Vận tải/ Giao nhận/ Chuỗi cung ứng

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Hành chính tổng hợp	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	250	650	300	650
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	300	800	500	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	500	1,000	800	1,200
	Trưởng phòng	800	3,000	1,000	3,000
Giao nhận vận chuyển đường không/ Đường biển	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	350	700	350	700
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	480	800	550	900
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	1,300	800	1,300
	Trưởng phòng	1,000	2,000	1,000	2,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	1,400	3,500	1,500	3,500
Ban Giám đốc	Trưởng phòng	1,000	4,000	1,200	4,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	900	5,000	2,000	6,000
	Giám đốc điều hành/ Tổng giám đốc	1,500	6,000	3,000	10,000
Hải quan	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	800	500	800
	Trưởng nhóm/ Giám sát	700	1,000	700	1,100
	Trưởng phòng	1,000	2,000	1,000	2,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Dịch vụ khách hàng	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	600
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	350	800	500	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	400	1,000	700	1,100
	Trưởng phòng	700	3,000	1,200	3,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	1,500	3,000	1,500	4,000
Kế toán/ Tài chính	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	350	600	350	650
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	1,200	800	500	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1350	1,200	900	1,500
	Trưởng phòng	800	2,500	1,500	3,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,000	5,000	2,000	6,000
Nhân sự	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	600
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	1300	500	1,300
	Trưởng nhóm/ Giám sát	750	1,500	800	1,500
	Trưởng phòng	1,200	2850	1,300	2,900
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	1,700	3,500	2,000	6,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Pháp lý & Tuân thủ	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	350	600
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	1,200	500	1,200
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	1,500	800	1,500
Truyền thông/ Tiếp thị	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	1,250	1,000	1,500
Vận hành	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	350	650	350	650
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	900	500	900
	Trưởng nhóm/ Giám sát	650	1100	700	1,100
	Trưởng phòng	1,000	3,000	1,000	2,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	1,500	5,000	2,000	3,000
Mua hàng	Trưởng phòng	800	2,000	1,200	2,800
Điều phối vận tải Điều vận	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	650	300	650
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	750	1,200	700	1,200
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	800	1,000	1,500

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Điều phối vận tải	Trưởng phòng	1,000	3,000	1,000	2,500
Điều vận	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	1,500	3,500	1,500	3,500
Trung tâm phân phối **Kho**	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	1150	300	650
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	750	1,500	500	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	2,000	4,000	800	1,300
	Trưởng phòng	1,000	4,000	1,300	2,800
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	1,000	5,000	2,500	4,500





6.9
Bán lẻ/ Bán buôn & Chuỗi nhà hàng

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Hành chính tổng hợp	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	600	300	500
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	350	800	500	800
	Trưởng nhóm/ Giám sát	500	2,000	800	1,000
Ban Giám đốc	Giám đốc điều hành/ Tổng giám đốc	5,000	21,000	7,000	21,000
Phát triển kinh doanh	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	700	300	700
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	800	500	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	700	1,000	1,200	1,500
	Trưởng phòng	1,200	1,900	1,500	2,200
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,200	7,800	4,000	8,000
Dịch vụ khách hàng	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	400	800	500	1,000
	Trưởng phòng	800	1,200	1,500	2,500
Thương mại điện tử	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	800	1,200	1,000	1,500

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Kế toán/ Tài chính	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	350	600	400	600
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	700	1,500	700	1,500
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,200	2,000	1,700	2,500
	Trưởng phòng	1,500	3,500	2,500	5,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	4,000	10,000	5,000	10,000
Nhân sự	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	600	300	500
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	600	1,200	600	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	1,500	1300	1,700
	Trưởng phòng	1,500	2,500	2,000	4,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,500	7,000	5,000	9000
Pháp lý & Tuân thủ	Trưởng nhóm/ Giám sát	700	1,400	1,200	2,000
	Trưởng phòng	1,000	2,000	2,000	4,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,000	8,000	4,000	7,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Marketing Truyền thông	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	500	1,000	500	1,000
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	1,000	2,000	1,000	1,500
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,200	1,800	1,500	1,700
	Trưởng phòng	2,000	4,000	3,000	6,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,000	6,000	6,000	12,000
Vận hành	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	1,200	500	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	1,500	1,000	2,000
	Trưởng phòng	1,000	2,000	2,000	3,500
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	1,200	5,000	4,000	8,000
Mua hàng	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	700	1,200	800	1,200
	Trưởng phòng	1,000	2,500	1,500	3,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,000	5,000	4,000	7,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Kinh doanh/ Bán hàng	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	700	300	500
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	800	1,200	500	1,200
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	1,500	800	1,500
	Trưởng phòng	1,000	3,500	1,500	3,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	1,000	10,000	4,000	10,000
Kho	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	250	500	300	500
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	400	800	700	1,200
	Trưởng nhóm/ Giám sát	600	1,000	1,200	1,700
	Trưởng phòng	800	2,000	2,000	3,000
Tiệc/ Bếp	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	300	1,000	500	1,200
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	1,500	1,200	2,000
	Trưởng phòng	1,500	3,000	2,000	4,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,000	6,000	4,000	8,000



6.10
Tự động hóa/ Ô tô

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Hành chính	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	300	500	400	800
	Trưởng nhóm/ Giám sát	500	1,000	600	1,000
Dịch vụ sau bán	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	300	500	1,500	2,000
	Trưởng phòng	1,000	2,000	3,500	4,000
Kỹ thuật	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	350	800
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	400	700	500	1,500
	Trưởng nhóm/ Giám sát	700	1,000	1,000	2,000
	Trưởng phòng	1,000	4,000	2,000	6,000
Trưởng phòng điều hành	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	5,000	7,000	5,000	16,000
Kế toán/ Tài chính	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	800
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	400	1,200	600	1,200
	Trưởng phòng	1,500	4,500	2,000	5,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Nhân sự	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	600
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	1,000	400	1,000
	Trưởng phòng	1,500	4,500	2,000	3,000
IE/ CI/ Lean	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	1,000	1,200	1,300	1,600
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	4,000	2,000	4,000
IT	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	500
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	1,000	500	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	600	1,200	800	1,200
	Trưởng phòng	1,500	3,000	1,400	3,500
Xuất nhập khẩu	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	400	700
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	1,000	1,300	1,500
Pháp chế	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	800	300	800

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Bảo dưỡng	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	500
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	1,000	500	1,500
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	2,000	1,300	2,000
	Trưởng phòng	1,500	2,500	2,000	3,000
Tiếp thị/ Thương hiệu	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	300	500	500	1,200
	Trưởng nhóm/ Giám sát	500	1,000	1,300	1,800
	Trưởng phòng	1,200	2,500	2,000	5,000
Vận hành	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	500
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	1,500	600	1,700
	Trưởng phòng	1,500	2,000	3,500	4,500
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,000	3,000	5,000	13,500
Sản xuất/ Kế hoạch	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	500
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	1,500	1,000	1,500
	Trưởng phòng	1,500	3,000	2,000	3,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Mua hàng	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	600
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	1,500	400	1,300
	Trưởng phòng	2,000	3,000	2,000	5,000
Chất lượng	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	700
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	1,000	500	1,500
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	1,400	1,500	2,000
	Trưởng phòng	1,000	2,500	2,000	4,000
Nghiên cứu & Phát triển	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	1,500	1,000	2,000
	Trưởng phòng	1,500	2,500	1,700	3,500
Kinh doanh	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	500	800
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	1,200	1,500	1,000	1,300
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	1,800	1,500	2,000
	Trưởng phòng	1,500	3,000	2,500	4,500
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,000	7,000	4,500	7,000
Kho	Trưởng nhóm/ Giám sát	500	1,000	500	1,500



6.11 Hóa chất/ Vật liệu xây dựng & Bao bì/ In ấn/ Nhựa

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Ban Giám đốc	Giám đốc điều hành/ Tổng giám đốc	5,000	15,000	7,000	15,000
Nhân sự/ Quản trị viên/ Hành chính tổng hợp	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	700	400	600
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	700	1,500	650	900
	Trưởng nhóm/ Giám sát	900	1,800	950	1,500
	Trưởng phòng	1,700	4,000	2,500	4,500
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,000	7,000	4,000	6,500
Kế toán/ Tài chính	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	800	450	650
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	800	1,200	700	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	1,500	1,000	1,800
	Trưởng phòng	1,800	4,000	2,500	3,500
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,000	7,000	4,000	7,000
Phát triển kinh doanh	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	700	500	600
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	800	1,500	700	900
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	1,800	1,000	1,500
	Trưởng phòng	1,500	3,500	1,500	3,800
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	4,000	8,000	4,000	8,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Chuỗi cung ứng (Tìm nguồn cung ứng, Buôn bán, Mua hàng, Hậu cần, Kho hàng)	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	700	300	600
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	650	1,500	600	1,200
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	1,800	1,200	2,000
	Trưởng phòng	1,700	4,000	2,000	3,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,500	8,000	3,500	5,000
Hỗ trợ kỹ thuật công nghệ thông tin	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	700	2,000	700	2,000
	Trưởng phòng	2,000	4,500	2,000	4,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	4,000	8,000	4,000	7,000
Kỹ thuật	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	700	400	500
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	600	1,500	600	900
	Trưởng nhóm/ Giám sát	900	1,800	1,500	1,800
	Trưởng phòng	1,700	3,500	2,500	3,500

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Môi trường	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	600	N/A	N/A
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	600	1,300	800	1,200
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,300	2,000	1,400	1,600
	Trưởng phòng	1,500	3,500	2,700	3,000
Phòng thí nghiệm	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	700	N/A	N/A
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	600	1,300	700	900
	Trưởng nhóm/ Giám sát	900	1,800	1,000	1,800
	Trưởng phòng	1,800	2,500	2,000	3,300
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	4,000	8,000	3,500	5,000
Sản xuất	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	350	700	400	600
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	600	1,600	650	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	600	940	1,400	1,700
	Trưởng phòng	1,800	3,500	1,800	3,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Phòng Kiểm Tra Chất Lượng	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	700	450	600
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	1,300	600	800
	Trưởng nhóm/ Giám sát	900	1,500	1,000	1,400
	Trưởng phòng	1,800	3,500	2,500	3,500





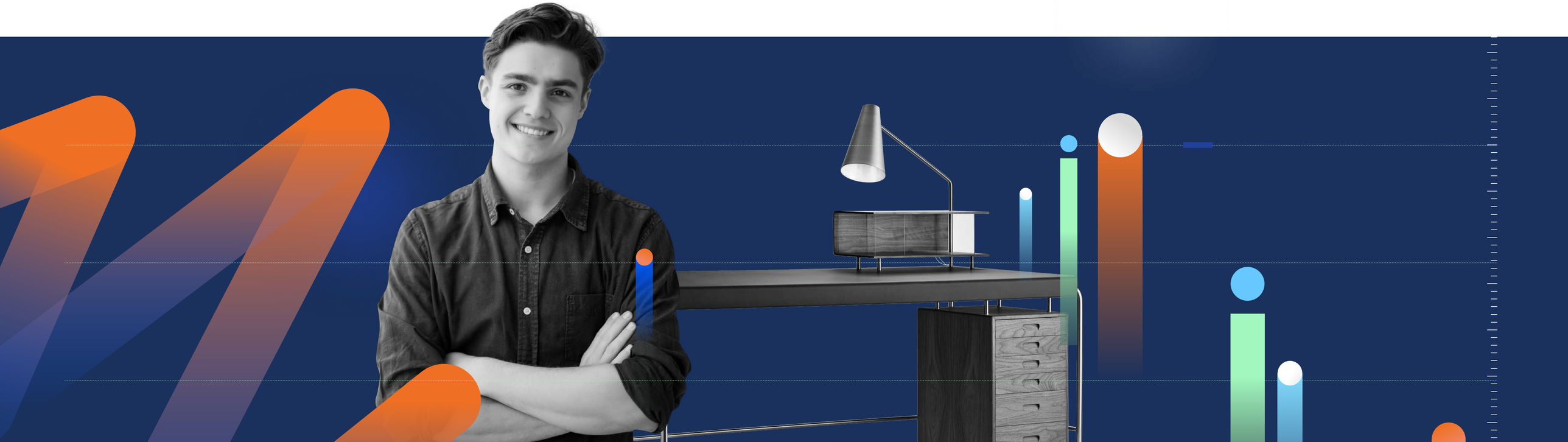
6.12
Dịch vụ tư vấn

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Quản trị viên/ Hành chính tổng hợp	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	550	300	600
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	450	900	500	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	650	1,500	800	1,500
	Trưởng phòng	1,000	1,800	1,500	2,000
Phát triển kinh doanh	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	700	300	500
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	400	1,200	600	1,200
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	1,900	1,200	1,800
	Trưởng phòng	1,200	3,000	2,000	3,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,000	6,000	3,000	6,000
Dịch vụ khách hàng	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	550	300	500
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	450	900	500	800
	Trưởng nhóm/ Giám sát	700	1,500	800	1,500
	Trưởng phòng	1,000	2,000	1,500	2,500
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	1,500	3,000	2,500	3,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Kế toán/ Tài chính	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	600	300	500
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	600	1,000	600	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	1,700	800	1,500
	Trưởng phòng	1,200	3,000	1,500	2,500
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,000	6,000	3,000	6,000
Nhân sự	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	600	300	600
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	550	1,000	500	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	1,700	800	1,500
	Trưởng phòng	1,400	3,200	1,500	2,500
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,500	6,000	3,000	6,000
Công nghệ thông tin	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	650	300	600
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	400	1,000	600	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	1,800	1,000	2,000
	Trưởng phòng	1,000	3,000	2,000	4,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	1,500	8,000	4,000	10,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Pháp lý & Tuân thủ	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	800	300	500
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	600	1,200	500	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	900	2,000	1,000	2,000
	Trưởng phòng	1,500	3,000	1,500	3,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,500	6,000	3,000	6,000
Truyền thông	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	350	800	300	500
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	550	1,300	500	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	700	2,000	1,000	1,500
	Trưởng phòng	1,200	3,000	1,500	2,500
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,400	6,000	3,000	6,000
Vận hành	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	700	300	600
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	550	1,000	500	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	1,700	1,000	2,000
	Trưởng phòng	1,200	3,000	2,000	3,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Nghiên cứu & Phát triển	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	350	800	2,000	3,000
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	1,200	300	500
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	1,400	600	1,200
	Trưởng phòng	1,200	3,500	1,500	2,000





6.13 Dược phẩm

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Ban giám đốc	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,500	10,000	5,000	10,000
	Giám đốc điều hành / Tổng giám đốc	3,000	15,000	7,000	18,000
Phòng Quan hệ chính phủ	Trưởng phòng	1,500	4,000	1,500	4,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,000	8,000	3,000	8,000
Kế toán/ Tài chính	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	3,000	700	2,500
	Trưởng phòng	1,500	4,000	2,500	5,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,000	7,000	4,000	7,000
Nhân sự	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	300	1,500	1,000	1,500
	Trưởng phòng	1,500	5,000	1,500	5,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,000	7,000	4,000	8,000
Phòng thí nghiệm	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	1,500	1,000	2,000
	Trưởng phòng	1,500	4,000	2,000	5,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Marketing Truyền thông Phụ trách sản phẩm Quan hệ chính phủ	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	3,500	1,500	3,000
	Trưởng phòng	1,500	3,500	3,000	5,500
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,500	5,000	4,000	8,000
Bộ phận sản xuất Bộ phận hỗ trợ	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	800	2,000	1,000	1,500
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	4,000	5,200	3,000	5,000
	Quản lý - Kỹ thuật / Bảo trì / QA / EHS	1,000	4,000	2,000	4,000
Nghiên cứu & Phát triển	Trưởng phòng	1,000	4,000	2,000	4,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,000	5,000	4,000	7,000
Kinh doanh/ Bán hàng	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	800	400	800
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	2,500	1,000	1,500
	Quản lý vùng	1,000	2,700	1,200	2,500
	Quản lý - Quản lý khu vực	2,000	3,500	2,000	4,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,500	9,300	4,000	8,000
Chuỗi cung ứng	Trưởng phòng	1,500	3,500	3,000	7,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	1,500	5,000	2,500	6,000



6.14
Khách sạn & Du lịch

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Dịch vụ khách hàng	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	200	600	115	300
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	450	750	250	450
	Trưởng nhóm/ Giám sát	700	1,800	400	1,200
	Trưởng phòng	1,500	3,000	750	1,950
Kỹ thuật	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	600	115	300
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	400	1,000	200	465
	Trưởng nhóm/ Giám sát	850	1,800	525	1,200
	Trưởng phòng	1,500	3,000	850	1,100
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,500	5,000	1,800	3,000
Kế toán/ Tài chính	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	700	500	700
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	1,100	800	1.200
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	1,700	1,500	1,900
	Trưởng phòng	1,500	3,500	2,000	3,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận - CFO	2,500	7,000	4,000	6,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Quản lý ẩm thực	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	200	700	115	300
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	1,000	250	450
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	1,500	385	1,800
	Trưởng phòng	1,300	2,700	950	3,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,500	8,000	2,600	9,000
Tiền sảnh		300		115	
		500		250	
		800		400	
		1,000		750	
Nhân sự	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	250	700	250	500
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	1,200	600	800
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	2,000	1,000	1,200
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	1,500	4,000	1,500	2,500
	Quản lý - Đào tạo/ C & B/ Giám đốc tuyển dụng	2,000	7,000	2,500	4,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Công nghệ thông tin	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	750	350	750
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	600	1,500	500	2,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	2,000	700	2,100
	Trưởng phòng	1,700	4,000	1,800	6,000
Bếp	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	150	400
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	800	350	650
	Trưởng nhóm/ Giám sát	750	1,500	550	1,800
	Trưởng phòng	1,200	2,700	1,000	3,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	1,500	8,000	1,400	8,000
Pháp lý & Tuân thủ	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	600	300	600
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	600	1,500	500	1,550
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,200	2,500	1,200	2,700
	Trưởng phòng	2,700	4,500	2,500	5,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,500	7,000	3,500	9,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Thể thao & giải trí	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	600	300	700
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	1,000	550	1,200
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	2,000	700	2,300
	Trưởng phòng	1,700	3,500	1,700	3,500
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,500	5,000	3,000	5,500
Truyền thông	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	350	800	250	850
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	700	1,800	600	2,100
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,500	2,500	1,700	3,100
	Trưởng phòng	2,000	5,000	2,500	3,500
Mua hàng	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	800	200	750
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	650	1,500	650	1,250
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,200	2,000	900	2,000
	Trưởng phòng	1,500	4,000	1,350	3,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Quản Lý doanh thu	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	650	300	650
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	850	450	900
	Trưởng nhóm/ Giám sát	700	1,200	700	1,200
	Quản lý	1,000	2,500	1,100	3,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,000	4,000	2,000	6,000
Buồng phòng	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	600	280	600
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	850	400	850
	Trưởng nhóm/ Giám sát	700	1,200	700	1,200
	Trưởng phòng	1,000	2,500	1,000	3,200
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	1,800	4,000	2,000	6,000
Kinh doanh & Tiếp thị	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	350	800	500	700
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	600	1,300	800	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	2,000	1,000	1,500
	Trưởng phòng	1,700	5,000	2,000	3,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận - DOSM	2,000	7,000	3,700	5,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
An ninh	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	200	500	115	400
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	1,000	350	900
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	1,500	750	1,600
	Trưởng phòng	1,200	2,500	800	3,000





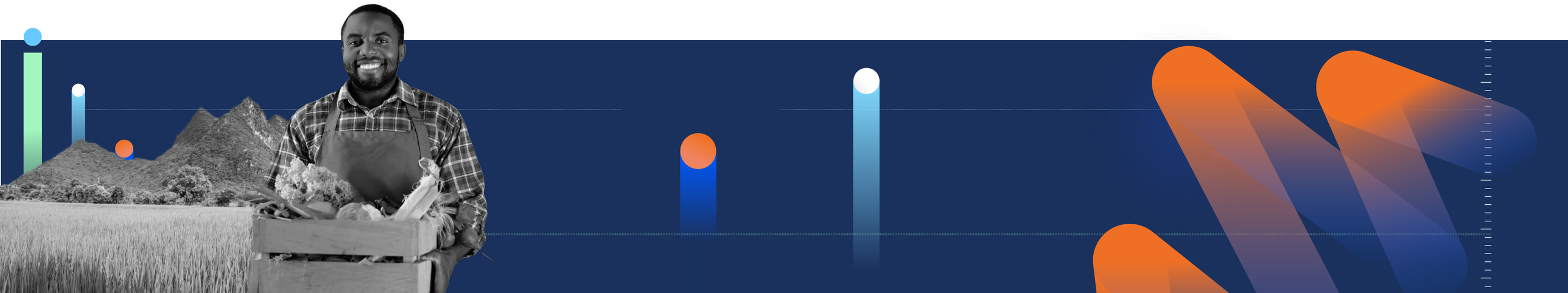
6.15 Nông nghiệp

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Ban giám đốc	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,000	15,000	5,000	18,000
	Giám đốc điều hành / Tổng giám đốc	5,000	25,000	5,000	18,000
Kỹ thuật	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	700	3,000	500	600
	Trưởng phòng	1,200	4,000	2,500	3,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,000	10,000	4,000	8,000
Kế toán/ Tài chính	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	450	950	450	950
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	2,500	1,500	2,000
	Trưởng phòng	1,200	4,000	2,000	3,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,000	6,000	3,000	7,000
Môi trường	Trưởng phòng	1,000	4,000	1,500	3,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,000	6,000	2,000	4,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Nhân sự	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	600	500	600
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	400	650	600	700
	Trưởng nhóm/ Giám sát	500	2,000	1,500	1,700
	Trưởng phòng	1,000	3,000	2,000	3,500
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	5,000	7,000	3,000	7,000
Công nghệ thông tin	Trưởng phòng	1,000	2,500	2,000	5,000
Pháp lý & Tuân thủ	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,500	7,000	3,000	5,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	2,500	1,500	2,500
Truyền thông	Trưởng phòng	1,200	5,000	3,000	5,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,000	8,000	4,000	6,000
Nhà máy	Giám đốc nhà máy	1,500	6,500	3,000	8,000
	Quản lý nhà máy	1,200	3,000	3,000	6,000
Sản xuất	Trưởng nhóm/ Giám sát	650	1,500	1,200	1,500
	Trưởng phòng	900	3,500	1,500	3,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	N/R	N/R	3,000	7,000

(*) Note: N/R: Not Relevant

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Mua hàng	Trưởng phòng	1,000	5,000	3,000	5,000
Phòng Kiểm Tra Chất Lượng	Trưởng phòng	1,000	3,000	2,500	3,500
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,000	5,000	3,000	5,000
Nghiên cứu & Phát triển	Trưởng phòng	1,000	3,000	3,000	3,500
Kinh doanh & Bán hàng	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	650	1,000	600	700
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	1,500	1,500	1,700
	Trưởng phòng	1,500	4,000	2,500	3,500
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	4,000	5,000	4,000	8,000





6.16
Dịch vụ tài chính & Tư vấn

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Kiểm toán & Tư vấn Thuế	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	600	1,300	600	1,500
	Trưởng phòng & Trưởng phòng cao cấp	1,200	2,000	1,500	3,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,000	7,000	3,000	7,000
Tư vấn Quản trị rủi ro	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	1,000	2,000	1,000	1,500
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,400	2,500	1,500	2,500
	Trưởng phòng	2,000	4,500	2,500	3,500
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	4,000	10,000	3,500	10,000
Quỹ/ Tư vấn Đầu tư	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	800	3,000	1,000	2,500
	Trưởng phòng & Trưởng phòng cao cấp	2,000	7,000	2,500	3,500
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	4,000	20,000	3,500	20,000
Tư vấn pháp lý	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	800	2,500	1,000	2,500
	Trưởng phòng & Trưởng phòng cao cấp	2,000	5,000	2,500	5,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	7,000	15,000	5,000	15,000



6.17 Dịch vụ chăm sóc sức khỏe

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Hành chính tổng hợp	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	200	500	200	500
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	400	800	400	800
	Trưởng nhóm/ Giám sát	500	1,200	500	1,200
	Trưởng phòng	800	2,200	800	2,200
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,000	4,000	2,000	4,000
Dịch vụ khách hàng	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	250	600	250	600
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	600	1,200	600	1,200
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	2,000	800	2,000
	Trưởng phòng	1,500	3,500	1,500	3,500
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,000	4,000	3,000	4,000
Chẩn đoán hình ảnh	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	250	800	250	700
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	2,500	500	1,500
	Trưởng phòng	2,000	3,500	1,500	4,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Kế toán/ Tài chính	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	700	300	700
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	600	1,300	600	1,300
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	2,000	800	2,000
	Trưởng phòng	1,700	4,000	1,700	4,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,500	7,000	3,000	7,000
Nhân sự	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	250	600	250	600
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	1,000	500	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	1,800	800	1,800
	Trưởng phòng	1,500	4,000	1,500	4,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,000	7,000	3,000	7,000
Công nghệ thông tin	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	600	300	600
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	1,200	500	1,200
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	1,800	1,000	1,800

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Công nghệ thông tin	Trưởng phòng	1,700	3,500	1,700	3,500
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,500	7,000	2,500	5,000
Phòng thí nghiệm	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	800	250	700
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	1,200	500	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	700	1,300	1,000	2,000
	Trưởng phòng	1,000	2,500	1,000	3,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	1,500	4,500	2,000	7,000
Truyền thông/ Tiếp thị	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	600	400	800
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	400	1,200	700	1,200
	Trưởng nhóm/ Giám sát	700	2,000	1,200	2,200
	Trưởng phòng	1,500	4,000	2,000	5,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,500	7,000	3,000	7,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Vận hành	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	350	600	350	600
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	400	900	400	900
	Trưởng nhóm/ Giám sát	650	1,300	650	1,300
	Trưởng phòng	1,000	3,500	1,000	3,500
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,000	6,000	2,000	6,000
Mua hàng	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	700	500	800
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	1,000	700	1,300
	Trưởng nhóm/ Giám sát	700	1,800	1,000	1,800
	Trưởng phòng	1,500	3,500	1,300	2,500
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,000	6,000	2,500	4,500
Bán hàng/ Phát triển kinh doanh	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	700	300	700
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	1,200	800	1,500

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Bán hàng/ Phát triển kinh doanh	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	1,800	1,200	2,500
	Trưởng phòng	1,500	3,000	2,000	4,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,500	6,000	3,500	7,000





6.18 Thương mại điện tử Dịch vụ trực tuyến Công nghệ tài chính

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Ban Giám đốc	Trưởng phòng	2,000	5,000	2,000	5,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,000	15,000	4,000	15,000
	Giám đốc điều hành/ Tổng giám đốc	5,000	25,000	5,000	25,000
Phát triển kinh doanh/ Bán hàng	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	500	700
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	400	1,200	600	1,500
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	2,000	1,200	2,500
	Trưởng phòng	2,000	5,000	2,000	5,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,000	10,000	3,000	10,000
Dịch vụ khách hàng	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	500
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	1,000	500	1,200
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	1,500	1,000	1,800
	Trưởng phòng	2,000	4,000	2,000	4,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Kế toán/ Tài chính	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	1,200	500	1,200
	Trưởng phòng	1,500	3,500	1,500	3,500
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,000	6,000	3,500	8,000
Pháp lý & Tuân thủ	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	1,000	2,000	1,000	2,000
	Trưởng phòng	2,000	6,000	2,000	6,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	5,000	10,000	5,000	10,000
Truyền thông	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	800	1,500	800	1,500
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	1,500	1,000	1,500
	Trưởng phòng	1,800	4,000	1,800	4,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,000	8,000	3,000	10,000
Vận hành	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	1,000	500	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	1,500	800	1,500

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Vận hành	Trưởng phòng	1,500	2,200	1,500	2,800
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,500	6,000	2,500	6,000
Quản lý rủi ro	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	800	1,500	800	1,500
	Trưởng phòng	1,500	3,500	1,500	3,500
Kinh doanh/ Bán hàng	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	1,500	500	1,500
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,200	2,000	1,200	2,000
	Trưởng phòng	1,500	3,000	1,800	3,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,500	8,000	3,000	8,000
Chuỗi cung ứng	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	1,200	500	1,200
	Trưởng nhóm/ Giám sát	700	1,500	1,100	1,800
	Trưởng phòng	2,000	4,000	2,000	4,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,500	6,000	3,500	7,000



6.19
Năng lượng Năng lượng tái tạo & Dầu khí

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
L&D	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	3,500	1,500	3,500
Quản trị viên/ Hành chính tổng hợp	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	700	500	800
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	1,000	600	1,500
	Trưởng phòng	1,500	12,500	1,500	5,000
Dịch vụ sau bán hàng	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	600	1,700	600	1,700
	Trưởng phòng	1,000	4,000	2,000	4,000
Thiết kế/ Kiến trúc	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	500	1,200	500	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,200	2,500	800	2,500
	Trưởng phòng	1,500	4,500	1,500	3,000
Ban Giám đốc	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	7,000	25,000	5,000	25,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Phát triển kinh doanh	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	700	1,200	800	1,000
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	1,000	2,500	1,500	3,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	2,500	5,000	1,800	4,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	5,000	20,000	5,000	10,000
Xây dựng	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	500	800	500	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	2,500	1,000	2,500
	Trưởng phòng	2,000	15,000	2,000	7,000
Quy Hoạch Công Ty	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,500	6,000	1,500	3,000
Chi phí & Hợp đồng	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	800	1,500	1,000	1,500
Dịch vụ khách hàng	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	800	1,200	800	1,200
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	1,500	1,000	1,500

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Dịch vụ khách hàng	Trưởng phòng	1,200	2,500	1,200	3,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,500	4,000	2,500	4,000
Dữ liệu	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	1,200	2,500	1,200	2,500
Kỹ thuật	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	600	800	400	600
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	900	3,500	900	2,500
	Trưởng nhóm/ Giám sát	2,500	8,000	1,200	2,500
	Trưởng phòng	3,000	10,000	1,500	3,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	5,000	16,000	4,000	10,000
Kế toán/ Tài chính	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	500	1,300	500	800
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	600	1,500	650	1,200
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,500	3,500	1,500	3,000
	Trưởng phòng	2,000	25,000	3,000	7,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Môi trường	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	800	3,000	1,000	1,500
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,500	5,000	1,500	3,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,500	10,000	3,000	5,000
Nhân sự	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	1,500	500	1,300
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,200	3,500	1,200	1,800
	Trưởng phòng	2,500	4,000	1,800	4,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,500	8,000	2,200	6,000
Kiểm toán nội bộ	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	600	1,700	1,500	2,500
Đầu tư	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,500	3,500	1,300	2,000
	Trưởng phòng	2,500	7,000	2,000	7,000
Hỗ trợ kỹ thuật công nghệ thông tin	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	1,200	2,500	1,500	2,500

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Pháp lý & Tuân thủ	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	1,500	3,000	1,200	2,200
	Trưởng phòng	3,500	9,000	2,500	7,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	5,000	15,000	3,500	10,000
Bảo dưỡng	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	500	1,000	400	800
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	1,000	1,800	1,000	1,800
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,500	4,000	1,500	4,000
	Trưởng phòng	4,000	18,000	4,000	18,000
Vận hành	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	800	400	800
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	800	1,500	1,200	1,500
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,500	3,000	1,500	3,000
	Trưởng phòng	3,000	7,000	3,000	7,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Sản xuất	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	800	400	800
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	800	1,500	800	1,500
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,500	3,000	1,500	3,000
	Trưởng phòng	3,000	7,000	3,000	7,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	NA	NA	5,000	10,000
Mua hàng	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	500	1,200	500	800
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,500	7,000	1,000	1,500
Phòng Kiểm Tra Chất Lượng	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	500	800	500	800
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	800	1,500	800	1,500
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,500	3,500	1,500	3,500
	Trưởng phòng	2,500	7,000	2,500	7,000
Nghiên cứu & Phát triển	Trưởng phòng	2,500	4,000	NA	NA

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Kinh doanh/ Bán hàng	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	800	500	1,000
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	800	3,000	1,000	3,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,500	3,500	1,500	3,500
	Trưởng phòng	2,500	5,000	2,500	5,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,000	10,000	4,000	7,000
Vận chuyển/ Vận tải hàng hóa	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,500	3,500	1,500	3,500
Chuỗi cung ứng	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	500	1,200	500	1,000
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	1,300	2,000	1,000	2,000
	Trưởng phòng	3,500	12,000	4,000	10,000

(*) Note: Mức lương có sự chênh lệch do sự khác biệt theo quy mô dự án



6.20 Bảo hiểm

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Đào tạo	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	600	1,000	500	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	900	1,500	1,000	1,500
	Trưởng phòng	1,300	2,500	1,500	2,500
Dịch vụ khách hàng/ Sau bán hàng	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	800	500	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	700	1,000	800	1,200
	Trưởng phòng	1,000	1,500	1,200	1,500
Ban giám đốc	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,500	15,000	2,500	20,000
	Giám đốc điều hành/ Tổng giám đốc	4,000	40,000	5,000	40,000
Môi giới	Trưởng phòng	1,200	2,500	1,500	2,500
Phát triển kinh doanh	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	2,000	800	2,000
	Trưởng phòng	1,000	4,000	2,000	4,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,200	6,000	4,000	7,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Giải quyết bồi thường	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	600	1,200	800	1,500
	Trưởng nhóm/ Giám sát	900	2,000	1,500	2,000
	Trưởng phòng	1,200	3,000	2,000	3,500
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	1,800	7,000	3,500	7,000
Kế toán/ Tài chính	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	1,000	800	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	700	1,500	1,000	1,500
	Trưởng phòng	1,300	4,000	1,500	4,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,000	15,000	4,000	15,000
Nhân sự	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	600	1,000	600	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	1,500	1,500	2,000
	Trưởng phòng	1,200	3,500	2,000	3,500
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,000	10,000	3,500	15,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Công nghệ thông tin	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	700	1,500	1,000	1,500
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,200	2,000	1,500	4,000
	Trưởng phòng	2,000	4,000	2,500	4,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,500	6,000	4,000	5,000
Pháp lý & Tuân thủ	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	700	1,800	800	2,500
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	2,500	1,500	2,500
	Trưởng phòng	1,500	4,500	2,500	4,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,000	15,000	4,000	15,000
Truyền thông	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	600	1,500	800	1,500
	Trưởng phòng	1,000	4,000	1,500	3,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,500	15,000	3,000	15,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Vận hành	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	600	1,000	800	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	1,200	1,000	1,500
	Trưởng phòng	1,200	2,000	1,500	2,000
Trưởng phòng rủi ro	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	700	1,000	800	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	2,000	1,000	1,500
	Trưởng phòng	1,200	3,000	1,500	3,500
Kinh doanh/ Bán hàng	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	600	1,000	800	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	1,500	1,000	1,500
	Trưởng phòng	1,000	3,500	1,500	4,000



6.21 Ngành thương mại dịch vụ có vốn đầu tư của Nhật

		Nhật Bản	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Dịch vụ sau bán hàng	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	750	1,500
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,500	1,800
	Trưởng phòng	1,850	2,250
Dịch vụ khách hàng	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	350	550
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	550	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	1,300
	Trưởng phòng	1,500	2,150
Kế toán/ Tài chính	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	600
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	650	1,200
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,200	1,500
	Trưởng phòng	1,600	2,200
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,300	3,000
Nhân sự - Hành chính tổng hợp	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh	400	600
	nghiệmCó kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	700	1,200

		Nhật Bản	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Nhân sự - Hành chính tổng hợp	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,200	1,600
	Trưởng phòng	2,000	3,000
Công nghệ thông tin	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	500	700
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	850	1,200
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,300	1,800
	Trưởng phòng	2,100	3,500
Pháp lý & Tuân thủ	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	850	1,500
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,500	2,000
	Trưởng phòng	2,500	3,500
Truyền Thông	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	600
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	850	1,300
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,500	2,000
	Trưởng phòng	2,500	3,000

		Nhật Bản	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Cơ quan quản lý/ Chính phủ/ Tiếp cận thị trường	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	2,000	2,600
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	2,600	4,000
Bán hàng/ Phát triển kinh doanh	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	800
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	700	1,750
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,500	2,000
	Trưởng phòng	2,250	3,150
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,500	4,500
Mua hàng, Hậu cần, Xuất nhập khẩu	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	700
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	550	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	1,350
	Trưởng phòng	1,600	2,600
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,600	4,200



6.22 Sản xuất có vốn đầu tư của Nhật Bản

		Nhật Bản	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Ban Giám đốc	Giám đốc điều hành/ Tổng giám đốc	3,000	5,000
Kỹ thuật	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	700
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	700	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	1,700
	Trưởng phòng	1,700	2,600
Kế toán/ Tài chính	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	350	600
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	600	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,200	1,500
	Trưởng phòng	1,700	3,000
Nhân sự/ Hành chính tổng hợp	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	350	550
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	550	900

		Nhật Bản	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Nhân sự/ Hành chính tổng hợp	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,100	1,500
	Trưởng phòng	1,500	2,300
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,500	4,000
Môi trường	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	450	600
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	600	900
	Trưởng nhóm/ Giám sát	900	1,300
	Trưởng phòng	1,500	2,300
Công nghệ thông tin	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	450	800
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	850	1,300
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,300	1,750
	Trưởng phòng	1,300	2,600

		Nhật Bản	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Pháp lý & Tuân thủ	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	700	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,200	1,600
	Trưởng phòng	2,000	2,600
Kỹ sư cơ điện	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	600
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	650	750
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	1,200
	Trưởng phòng	1,500	2,200
Nghiên cứu – phát triển sản phẩm	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	500	650
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	800	1,300
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,300	2,000
	Trưởng phòng	2,150	3,500

		Nhật Bản	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Sản Xuất	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	350	600
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	550	850
	Trưởng nhóm/ Giám sát	850	1,500
	Trưởng phòng	1,700	2,600
Phòng Kiểm Tra Chất Lượng	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	350	600
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	600	850
	Trưởng nhóm/ Giám sát	900	1300
	Trưởng phòng	1,500	2,700
Tìm nguồn cung ứng, Buôn bán, Mua hàng, Hậu cần, Kho hàng	Khởi điểm: Mới ra trường/ Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	700
	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	550	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	1,350
	Trưởng phòng	1,600	2,600
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,500	3,500



6.23 Chứng khoán

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Hành chính tổng hợp	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	1,000	500	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	700	1,200	1,000	1,500
	Trưởng phòng	1,200	3,000	1,500	3,000
Môi giới/ Kinh doanh	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	1,000	500	1,000
	Trưởng phòng	1,400	3,000	1,000	2,500
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,500	8,000	2,500	7,000
Dịch vụ khách hàng	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	450	800	400	1,000
	Trưởng phòng	1,300	2,200	1,000	2,000
Nhân sự	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	1,000	600	1,200
	Trưởng nhóm/ Giám sát	700	2,000	1,200	2,500
	Trưởng phòng	1,200	2,500	2,500	3,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,000	4,000	3,000	7,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Kiểm soát nội bộ	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	800	1,200	800	1,500
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	2,000	1,500	2,500
Ngân hàng Đầu tư	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	900	2,500	1,000	2,500
	Trưởng phòng	2,000	4,000	2,500	4,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,000	8,000	4,000	8,000
Pháp lý & Tuân thủ	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	700	2,000	800	2,000
	Trưởng phòng	1,300	3,000	2,000	3,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,000	4,000	3,000	5,000
Vận hành	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	700	1,000	800	1,500
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	1,500	1,500	2,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,000	5,000	2,000	5,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
Nghiên cứu Phân tích	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	800	1,500	800	2,000
	Trưởng phòng	1,800	3,000	2,000	3,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	4,000	12,000	3,000	15,000
Quản trị rủi ro	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	700	1,000	800	1,500
	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	1,200	1,500	2,500
	Trưởng phòng	1,300	2,000	2,500	3,500
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,000	5,000	3,500	5,000
Marketing	Có kinh nghiệm/ Chưa là quản lý	500	800	500	1,000
	Trưởng nhóm/ Giám sát	800	1,500	800	1,500
	Trưởng phòng	1,500	2,500	1,500	2,500
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,000	4,000	2,500	5,000
Sản phẩm	Trưởng phòng	1,500	4,000	2,000	4,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	3,000	7,000	4,000	8,000

		Hà Nội		Hồ Chí Minh	
Phòng ban	**Cấp bậc**	**Tối thiểu**	**Tối đa**	**Tối thiểu**	**Tối đa**
IT hỗ trợ	Trưởng nhóm/ Giám sát	1,000	2,000	1,000	2,000
	Trưởng phòng	1,500	3,000	2,000	3,000
	Giám đốc/ Trưởng bộ phận	2,500	5,000	3,000	7,000





KHẢO SÁT LƯƠNG NĂM 2023

Kỳ vọng lương, thưởng, phúc lợi người lao động

Thực hiện bởi **Navigos Group**

www.navigosgroup.com *www.vietnamworks.com* *www.navigossearch.com*